Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46/2026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2026

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 1983
Ngày: 19/09/2026
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		x
PCT TT L.A.Quân	x	
PCT L.T.Kiên		x
PCT Đ.T.Đức		x
PCT N.M.Hùng		x
PCT T.V.Quân		x
PCT H.M.Cường		x
Q.CVP N.H.Long		x
PCVP T.V.Thiện		
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn	x	
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT	x	
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

QUYẾT ĐỊNH

Hướng dẫn xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định hướng dẫn xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này hướng dẫn xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là doanh nghiệp).

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

3. Tổ chức đánh giá độc lập xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất của Nhà nước cho doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị.

5. Ngân hàng thương mại, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất của Nhà nước cho doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn

1. Dự án xanh là dự án đáp ứng các tiêu chí sau: thuộc loại hình dự án, có mục tiêu và đồng thời đáp ứng yêu cầu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn là dự án đáp ứng các tiêu chí sau: thuộc một trong các nhóm dự án quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này và đáp ứng yêu cầu theo loại hình dự án thuộc ngành, lĩnh vực, sản phẩm quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Nhóm dự án thiết kế, sản xuất tuần hoàn gồm các dự án áp dụng một hoặc nhiều biện pháp tuần hoàn trong thiết kế sản phẩm, quy trình sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ để đạt mục tiêu giảm khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo, tài nguyên nước; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng; tăng cường sử dụng nguyên liệu, vật liệu thân thiện với môi trường.

4. Nhóm dự án sử dụng tuần hoàn gồm các dự án áp dụng một hoặc nhiều biện pháp tuần hoàn tái sử dụng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, tân trang, chuyển đổi công năng, tái sản xuất, cho thuê hoặc chia sẻ sản phẩm, trang thiết bị, công trình để đạt mục tiêu kéo dài vòng đời sử dụng của vật liệu, linh kiện, cấu kiện, thiết bị, sản phẩm và hàng hóa.

5. Nhóm dự án phục hồi tài nguyên gồm các dự án áp dụng một hoặc nhiều biện pháp tuần hoàn thu gom, tái chế phụ phẩm, chất thải hoặc các biện pháp khác để đạt mục tiêu hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Nhóm dự án cộng sinh công nghiệp, liên kết tuần hoàn gồm các dự án áp dụng các biện pháp tuần hoàn giữa các lĩnh vực, trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị hoặc khu dân cư tập trung nhằm đạt các mục tiêu sử dụng hiệu quả nguyên liệu, vật liệu, năng lượng và tài nguyên; kéo dài vòng đời sản phẩm; hạn chế phát sinh chất thải và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Điều 4. Xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn

1. Việc xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Quyết định này được thực hiện thông qua tổ chức đánh giá độc lập đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị xác định được quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

2. Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá độc lập:

a) Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện đăng ký kinh doanh tại Việt Nam hoặc được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Thuộc một trong các loại hình sau: kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp hoặc có chức năng đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật hoặc kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

d) Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17029:2020 (ISO/IEC 17029) hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17029:2019 về đánh giá sự phù hợp - Nguyên tắc chung và yêu cầu đối với tổ chức xác nhận giá trị sử dụng và kiểm tra xác nhận hoặc đáp ứng Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3000 - Hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ hoặc Chuẩn mực Quốc tế về dịch vụ đảm bảo (ISAE 3000) hoặc các tiêu chuẩn, chuẩn mực sửa đổi, bổ sung, thay thế được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành theo quy định của pháp luật về kiểm toán, đánh giá sự phù hợp.

3. Hồ sơ đề nghị xác định dự án xanh gồm:

a) Văn bản đề nghị xác định dự án xanh theo Mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Thuyết minh dự án đáp ứng tiêu chí đối với dự án xanh theo Mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Hồ sơ đề nghị xác định dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn gồm:

a) Văn bản đề nghị xác định dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn theo Mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Thuyết minh dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn theo Mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định này.

5. Tổ chức đánh giá độc lập theo quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện việc đánh giá, xác định như sau:

a) Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện dự án xanh hoặc dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn quy định tại Điều 3 Quyết định này gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này đề nghị tổ chức đánh giá độc lập xác định dự án xanh hoặc dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn;

b) Căn cứ quy định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn tại Điều 3 Quyết định này, tổ chức đánh giá độc lập kiểm tra, xem xét hồ sơ để đánh giá, xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn bảo đảm tính độc lập, khách quan theo tiêu chuẩn hoặc chuẩn mực của tổ chức quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

c) Thời hạn và kinh phí xác định thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức đánh giá độc lập và doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

6. Văn bản xác định dự án xanh hoặc dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn do tổ chức đánh giá độc lập cấp phải bao gồm các thông tin sau đây:

a) Thông tin chung về tổ chức đánh giá độc lập;

b) Tên doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

c) Phạm vi, quy mô hoạt động của dự án;

d) Tóm tắt công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thông tin cơ bản về sản phẩm của dự án;

đ) Nội dung xác định dự án đã đáp ứng tiêu chí đối với dự án xanh quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này hoặc dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này;

e) Các yêu cầu để dự án đáp ứng, duy trì tiêu chí đối với dự án xanh hoặc dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn quy định tại Quyết định này;

g) Các yêu cầu khác (nếu có).

7. Tổ chức đánh giá độc lập chịu trách nhiệm với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đề nghị xác định và trước pháp luật, cơ quan, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về kết quả xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn của mình.

8. Việc thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với hoạt động xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn của tổ chức đánh giá độc lập được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra, bảo vệ môi trường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, kiểm toán, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, xử lý vi phạm hành chính và các pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị

1. Khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị là tập hợp các nguyên tắc, tiêu chí tuân thủ pháp luật và tiêu chí tự nguyện tuân thủ có liên quan đến môi trường, xã hội, quản trị theo các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, lao động, doanh nghiệp, bảo hiểm, tài chính và pháp luật khác có liên quan nhằm đánh giá mức độ quản lý, kiểm soát và cải thiện tác động về môi trường, xã hội, quản trị, kết quả thực hiện dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Quyết định này. Khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn phải xây dựng báo cáo áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. Mẫu báo cáo áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quyết định này. Nội dung báo cáo áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Nguyên tắc xây dựng báo cáo áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị:

a) Đối với nhóm tiêu chí về môi trường: doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ các tiêu chí tuân thủ pháp luật quy định tại Mục I Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định này để xây dựng các nội dung có liên quan về môi trường cho từng dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình;

b) Đối với nhóm tiêu chí xã hội, quản trị: doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ vào các tiêu chí tuân thủ pháp luật quy định tại Mục I Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định này để xây dựng các nội dung có liên quan về xã hội, quản trị cho toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình;

c) Ngoài các tiêu chí tuân thủ pháp luật quy định tại điểm a, điểm b khoản này, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ vào các tiêu chí tự nguyện tuân thủ quy định tại Mục II Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định này lựa chọn các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều này phù hợp với quy mô sản xuất, kinh doanh để xây dựng nội dung trong báo cáo áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị.

4. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lựa chọn tiêu chí tự nguyện tuân thủ bảo đảm tiêu chí được lựa chọn đại diện cho cả 03 nhóm tiêu chí về môi trường, xã hội, quản trị, trừ trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị theo chuẩn quốc tế, cụ thể như sau:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lựa chọn tối thiểu 03 tiêu chí tự nguyện tuân thủ quy định tại Mục II Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ lựa chọn tối thiểu 06 tiêu chí tự nguyện tuân thủ quy định tại Mục II Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Doanh nghiệp quy mô vừa lựa chọn tối thiểu 12 tiêu chí tự nguyện tuân thủ quy định tại Mục II Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định này;

d) Doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này lựa chọn tối thiểu 18 tiêu chí tự nguyện tuân thủ quy định tại Mục II Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định này.

5. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện dự án được xác định là dự án xanh hoặc dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn quy định tại Điều 4 Quyết định này và có báo cáo áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị quy định tại Điều này là căn cứ để xem xét, hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật.

6. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng tải công khai báo cáo áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị quy định tại Điều này trên trang tin điện tử của doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có).

7. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về thông tin, số liệu cung cấp trong báo cáo áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị.

Điều 6. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị

1. Gửi văn bản thông báo dự án đã được xác định là dự án xanh hoặc dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn theo Mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Quyết định này đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi thực hiện dự án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được tổ chức đánh giá độc lập cấp văn bản xác định dự án xanh hoặc dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn.

2. Đáp ứng, duy trì thường xuyên, liên tục các tiêu chí đối với dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn theo quy định tại Điều 3 Quyết định này và theo quy định của pháp luật về hỗ trợ lãi suất.

3. Thực hiện đầy đủ nội dung trong báo cáo áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, lao động, bình đẳng giới, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động, doanh nghiệp, chứng khoán, phòng, chống tham nhũng, pháp luật khác có liên quan.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, có văn bản thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án kể từ ngày dừng thực hiện hoặc không đáp ứng tiêu chí đối với dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn hoặc không áp dụng đầy đủ báo cáo áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị theo Mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Quyết định này. Trường hợp không kịp thời báo cáo, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về hỗ trợ lãi suất và pháp luật khác có liên quan.

5. Thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Quyết định này;

b) Tổng hợp danh mục dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định;

c) Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc (nếu có) việc thực hiện Quyết định này để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định này.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường cập nhật, kết nối, liên thông dữ liệu về dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các quy định tại Quyết định này.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn ngân hàng thương mại, cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các quy định tại Quyết định này.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy định tại Quyết định này.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, tổ chức phân công các cơ quan chuyên môn thực hiện các quy định tại Quyết định này;

b) Theo dõi, tổng hợp, cập nhật và công bố định kỳ vào ngày 30/6 và 31/12 hằng năm trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh danh sách dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị trên địa bàn tỉnh;

c) Kiểm tra, giám sát việc duy trì tiêu chí đối với dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh;

d) Định kỳ hằng năm tổng hợp danh mục dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị thuộc phạm vi quản lý, bao gồm tối thiểu các thông tin về tên dự án, loại hình dự án, ngành, lĩnh vực, sản phẩm; gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b).14

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng

Phụ lục I

TIÊU CHÍ ĐỐI VỚI DỰ ÁN XANH

(Kèm theo Quyết định số 46/2026/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**NĂNG LƯỢNG**		
1	Sản xuất điện mặt trời	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Hiệu suất của tế bào quang điện hoặc module quang điện phải đáp ứng quy định đối với hệ thống điện mặt trời nối lưới, điện mặt trời mái nhà được hưởng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời. 2. Không giới hạn hiệu suất chuyển đổi quang điện đối với các dự án điện năng lượng mặt trời tập trung. 3. Thiết bị được sử dụng để sản xuất điện mặt trời phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật. 4. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của nhà sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2	Sản xuất điện gió	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Sản xuất điện gió từ một trong các loại hình sau: 1.1. Điện gió ngoài khơi; 1.2. Điện gió trong đất liền. 2. Thiết bị được sử dụng để sản xuất điện gió phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
3	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng bền vững khác	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Sản xuất điện từ một trong các nguồn năng lượng sau: 1.1. Địa nhiệt; 1.2. Sinh khối; 1.3. Thủy triều; 1.4. Sóng biển; 1.5. Hải lưu; 1.6. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; 1.7. Nguồn năng lượng mới (Hydrogen xanh, Amoniac xanh). 2. Thiết bị được sử dụng để sản xuất điện từ các nguồn năng lượng phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật.
4	Sản xuất nhiệt hoặc làm mát từ các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Sản xuất nhiệt hoặc làm mát từ một trong các nguồn năng lượng sau: 1.1. Mặt trời; 1.2. Gió; 1.3. Địa nhiệt; 1.4. Sinh khối; 1.5. Thủy triều; 1.6. Sóng biển; 1.7. Hải lưu; 1.8. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; 1.9. Nguồn năng lượng mới (Hydrogen xanh, Amoniac xanh). 2. Môi chất lạnh sử dụng trong thiết bị làm mát có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của Việt Nam theo quy định của pháp luật. 3. Thiết bị được sử dụng để sản xuất nhiệt hoặc làm mát phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn do cơ quan quản lý có chức năng cấp theo quy định của pháp luật.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
5	Sản xuất khí đốt từ các nguồn sinh khối	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Sản xuất khí đốt từ một trong các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và sinh khối khác. 2. Thiết bị được sử dụng để sản xuất, chế biến khí sinh học phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật.
6	Sản xuất nhiên liệu hàng không bền vững	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) phải được cấp chứng nhận quốc tế theo quy định của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO).
7	Xây dựng, lắp đặt công trình điện phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng bền vững	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Xây dựng, lắp đặt công trình điện phục vụ truyền tải, giải tỏa công suất cho một trong các loại hình năng lượng sau: 1.1. Mặt trời; 1.2. Gió; 1.3. Địa nhiệt; 1.4. Sinh khối; 1.5. Thủy triều; 1.6. Sóng biển; 1.7. Hải lưu; 1.8. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; 1.9. Nguồn năng lượng mới (Hydrogen xanh, Amoniac xanh). 2. Tỷ lệ năng lượng tái tạo được giải tỏa phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia. 3. Thiết bị được sử dụng để xây dựng hệ thống đường dây, trạm biến áp để truyền tải, giải tỏa công suất năng lượng tái tạo phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
8	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống phân phối điện tiết kiệm, hiệu quả năng lượng	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Sử dụng các công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 1.1. Được cấp nhãn năng lượng theo quy định về danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện; 1.2. Được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế, quốc gia chứng nhận nhãn sinh thái (đã được cơ quan có thẩm quyền ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau). 2. Ứng dụng lưới điện thông minh phù hợp với định hướng phát triển lưới điện thông minh tại Việt Nam.
9	Sản xuất pin và ắc quy công nghệ cao, thân thiện với môi trường	Cải thiện chất lượng môi trường	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế, quốc gia chứng nhận nhãn sinh thái (đã được cơ quan có thẩm quyền ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau). 2. Sử dụng nguyên liệu, vật liệu có nguồn gốc tái chế theo quy định để phục vụ sản xuất. 3. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
10	Lắp đặt hệ thống lưu trữ điện từ năng lượng tái tạo	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Hệ thống lưu trữ điện, hệ thống trạm sạc điện được lắp đặt để tải, sử dụng cho một trong các nguồn điện sau: 1.1. Mặt trời; 1.2. Gió; 1.3. Địa nhiệt; 1.4. Sinh khối; 1.5. Thủy triều; 1.6. Sóng biển;

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
			1.7. Hải lưu; 1.8. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; 1.9. Nguồn năng lượng mới (Hydrogen xanh, Amoniac xanh). 2. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 3. Thiết bị được sử dụng để lắp đặt, vận hành hệ thống lưu trữ điện từ năng lượng tái tạo phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật.
B	**GIAO THÔNG VẬN TẢI**		
1	Đầu tư phương tiện giao thông không phát thải hoặc phát thải các-bon thấp phục vụ vận tải	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Phương tiện được đầu tư để phục vụ vận tải thuộc một trong các loại hình sau: 1. Sử dụng điện. 2. Sử dụng năng lượng xanh, năng lượng tái tạo hoặc các nguồn nhiên liệu, năng lượng khác không phát thải hoặc ít gây phát thải khí nhà kính.
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng cung cấp nhiên liệu hoặc năng lượng phục vụ phương tiện giao thông vận tải không phát thải hoặc phát thải các-bon thấp	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Cơ sở hạ tầng cung cấp nhiên liệu hoặc năng lượng phục vụ một số loại hình phương tiện giao thông sau: 1. Sử dụng điện. 2. Sử dụng năng lượng xanh, năng lượng tái tạo hoặc các nguồn nhiên liệu, năng lượng bền vững khác không phát thải hoặc ít gây phát thải khí nhà kính.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
3	Cung cấp dịch vụ tái nạp năng lượng cho phương tiện giao thông vận tải không phát thải hoặc phát thải các-bon thấp	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Cung cấp dịch vụ tái nạp năng lượng cho một trong các loại hình phương tiện giao thông sau: 1. Sử dụng điện. 2. Sử dụng năng lượng tái tạo hoặc các nguồn nhiên liệu, năng lượng bền vững khác không phát thải hoặc ít gây phát thải khí nhà kính.
C	**XÂY DỰNG**		
1	Xây dựng mới, cải tạo nhà các loại đạt mục tiêu công trình xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Được chứng nhận của tổ chức cấp giấy chứng nhận công trình xanh trong nước hoặc quốc tế. 2. Đáp ứng yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng các môi chất lạnh có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của Việt Nam theo quy định của pháp luật.
2	Xây dựng mới, cải tạo công trình công ích thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Được chứng nhận của tổ chức cấp giấy chứng nhận công trình xanh trong nước hoặc quốc tế. 2. Đáp ứng yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng các môi chất lạnh có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của Việt Nam theo quy định của pháp luật.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
D	**TÀI NGUYÊN NƯỚC**		
1	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Công trình xây dựng cấp, thoát nước có lắp đặt, vận hành thuộc một trong các loại hình sau: 1.1. Hệ thống khử mặn nước biển và nước lợ; 1.2. Hệ thống tiết kiệm tài nguyên nước; 1.3. Hệ thống thoát nước chống ngập úng; 1.4. Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải; 1.5. Hệ thống tưới tiêu thông minh. 2. Thiết bị được sử dụng phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật.
2	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Chất lượng nước sạch cung cấp đáp ứng các thông số kỹ thuật trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT). 2. Tỷ lệ thất thoát nước sạch quy định như sau: 2.1. Đối với dự án xây dựng mới hệ thống cấp nước: tỷ lệ thất thoát nước ≤ 15% và có kế hoạch chống thất thoát, thất thu nước; 2.2. Đối với dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước hiện tại: tỷ lệ thất thoát nước <18% và có chứng minh tỷ lệ giảm so với trước khi lắp đặt hoặc vận hành. 3. Thiết bị được sử dụng phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
3	Quản lý chất lượng và bảo vệ nguồn nước	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Loại hình dự án thuộc một trong các hoạt động được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước sau đây: 1.1. Phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; 1.2. Tìm kiếm, thăm dò, khai thác nước để cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho người dân ở các vùng khan hiếm nước ngọt, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cho người nghèo, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và các đối tượng dễ bị tổn thương khác; 1.3. Khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; xử lý nước biển thành nước ngọt; thu gom, sử dụng nước mưa, bổ sung nhân tạo nước dưới đất; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; 1.4. Xây dựng các công trình điều tiết, tích trữ nước tại khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, lụt; 1.5. Phát triển công nghệ, thiết bị và sản phẩm phục vụ bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước; 1.6. Xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất. 2. Thiết bị được sử dụng để phục vụ việc dự báo, giám sát, kiểm soát chất lượng nguồn nước, bảo vệ nguồn nước, phòng chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật.
Đ	**NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC**		
1	Trồng cây hàng năm và cây lâu năm theo tiêu chuẩn bền vững	Sử dụng hiệu quả tài nguyên đất	Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 1. Được chứng nhận Tiêu chuẩn quốc gia về Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) - Phần 1: Trồng trọt (TCVN 11892-1:2017). 2. Được cấp Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật. 3. Được chứng nhận Tiêu chuẩn quốc gia về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 2: Trồng trọt hữu cơ (TCVN 11041-2:2017). 4. Đáp ứng tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng theo quy định của pháp luật.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
2	Mô hình chăn nuôi theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, quản lý chất thải	Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 1. Được cấp Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật. 2. Được chứng nhận Tiêu chuẩn quốc gia về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 3: Chăn nuôi hữu cơ (TCVN 11041-3:2017). 3. Đáp ứng tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp.
3	Trồng rừng mới, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên và rừng trồng, quản lý rừng bền vững; áp dụng phương thức canh tác nông lâm kết hợp	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu	Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 1. Được chứng nhận tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững của quốc gia (VFCS/PEFC ST 1003:2019) hoặc quốc tế. 2. Thực hiện mục tiêu, yêu cầu về bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên theo quy định của pháp luật.
4	Nuôi trồng thủy sản nội địa bền vững	Quản lý chất thải; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 1. Tuân thủ Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP). 2. Được cấp Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nuôi trồng thuỷ sản tốt quốc tế (GlobalGAP, BAP) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
5	Nuôi trồng thủy sản biển bền vững	Quản lý chất thải; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 1. Tuân thủ Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP). 2. Được cấp Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nuôi trồng thuỷ sản tốt quốc tế (GlobalGAP, BAP) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật.
6	Sản xuất, chế biến thực phẩm bền vững	Quản lý chất thải; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 1.1. Được cấp Chứng chỉ tiêu chuẩn chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn trong nước hoặc quốc tế (VietGAP, GlobalGAP, ISO 22000, HACCP, GMP, SQF, FSSC 22000, BRC, IFS) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật; 1.2. Được cấp Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành chế biến sản phẩm thuỷ sản tốt trong nước hoặc quốc tế (VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP, BAP, HACCP, ISO 22000, GMP, FSSC 22000, BRC, IFS) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật; 1.3. Được chứng nhận Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống quản lý môi trường (TCVN ISO 14001) hoặc tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật. 2. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
7	Du lịch sinh thái	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Mục đích hoạt động du lịch gắn với bản sắc văn hoá địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư và có sự kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường. 2. Chứng minh có mục tiêu, hoạt động góp phần sử dụng bền vững, phát huy được lợi thế, đầu tư duy trì, phát triển vốn tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
			3. Thuộc dự án, đề án, chương trình, kế hoạch hoặc dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt theo quy định. 4. Trường hợp dự án có hoạt động dịch vụ lưu trú hoặc dịch vụ ăn uống phục vụ cho du lịch sinh thái cần đáp ứng thêm một trong các yêu cầu sau: 4.1. Được cấp chứng chỉ hoặc nhãn dịch vụ lưu trú, ăn uống du lịch bền vững do các tổ chức trong nước hoặc quốc tế công nhận hoặc tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật; 4.2. Được chứng nhận công trình xanh được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật.
8	Bảo tồn, phát triển nguồn gen và các loài động, thực vật quý hiếm, nguy cấp của Việt Nam	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phục hồi hệ sinh thái tự nhiên	Thực hiện một trong các hoạt động sau: 1. Bảo tồn nguồn gen và các loài động, thực vật quý hiếm, nguy cấp của Việt Nam thuộc danh mục được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật. 2. Bảo tồn một trong các tài nguyên di truyền bản địa dưới đây theo quy định của pháp luật. 2.1. Động vật; 2.2. Thực vật; 2.3. Vi sinh vật; 2.4. Tài nguyên di truyền khác theo quy định. 3. Phát triển dược liệu đặc hữu, quý, có giá trị kinh tế hoặc có nguy cơ tuyệt chủng cao theo chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án do cấp có thẩm quyền ban hành, bao gồm một trong các hoạt động sau: 3.1. Xây dựng vườn bảo tồn và phát triển cây thuốc; 3.2. Phát triển trồng cây dược liệu; 3.3. Phát triển nguồn giống dược liệu; 3.4. Xây dựng các nhà máy sơ chế, chế biến, chiết xuất dược liệu, các trung tâm kinh doanh dược liệu để tạo lập thị trường thuận lợi cho việc cung ứng và tiêu thụ các sản phẩm từ dược liệu; 3.5. Hoạt động khác theo quy định.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
9	Phát triển công trình kỹ thuật phục vụ giảm nhẹ rủi ro và phòng chống thiên tai	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Thuộc một trong các loại hình công trình sau: 1. Công trình kỹ thuật dân dụng phục vụ mục tiêu, yêu cầu giảm nhẹ rủi ro và phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật. 2. Công trình phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn theo quy định của pháp luật.
10	Canh tác bền vững trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển, đất thoái hóa, đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; phục hồi hệ sinh thái tự nhiên	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Dự án canh tác được thực hiện tại một trong các vùng đất do cấp có thẩm quyền công bố theo quy định của pháp luật dưới đây: 1.1. Vùng đất dốc; 1.2. Vùng đất trũng; 1.3. Vùng đất phèn; 1.4. Vùng đất mặn, nhiễm mặn; 1.5. Vùng đất cát ven biển; 1.6. Vùng đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa. 2. Áp dụng biện pháp quản lý, kỹ thuật và quy trình sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.
11	Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và bảo vệ tài nguyên đất	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Chất lượng đất sau xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (QCVN 03:2023/BTNMT). 2. Quá trình xử lý không gây ô nhiễm nguồn nước và không khí theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
12	Thu gom, xử lý, tái chế, sản xuất các sản phẩm hữu ích từ phụ phẩm, chất thải phát sinh từ hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp	Quản lý chất thải	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Thu gom, xử lý, tái sử dụng, sản xuất các sản phẩm, vật liệu hữu ích từ phụ phẩm, chất thải tạo ra từ hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. 2. Chất lượng sản phẩm, vật liệu sau xử lý, sản xuất đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật. 3. Quá trình xử lý không gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
E	**CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO**		
1	Sản xuất thiết bị điện, máy móc, thiết bị tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Thiết bị điện, máy móc, thiết bị được sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 1.1. Được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế, quốc gia chứng nhận nhãn sinh thái (đã được cơ quan có thẩm quyền ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau); 1.2. Được cấp nhãn năng lượng, bao gồm nhãn năng lượng so sánh (cấp 4-5 sao) hoặc nhãn năng lượng xác nhận Ngôi sao năng lượng Việt Nam theo quy định của pháp luật; 1.3. Đạt được các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy định có liên quan đến tuần hoàn của các thị trường xuất khẩu. 2. Đối với sản phẩm được tạo ra có sử dụng các môi chất lạnh có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) phải đạt tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của Việt Nam.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
2	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử phục vụ phát triển công nghệ các-bon thấp	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Linh kiện, thiết bị điện tử đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 1.1. Được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế, quốc gia chứng nhận nhãn sinh thái (đã được cơ quan có thẩm quyền ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau); 1.2. Được cấp nhãn năng lượng, bao gồm nhãn năng lượng so sánh (cấp 4-5 sao) hoặc nhãn năng lượng xác nhận Ngôi sao năng lượng Việt Nam theo quy định của pháp luật; 1.3. Đạt được các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy định có liên quan đến tuần hoàn của các thị trường xuất khẩu. 2. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3	Sản xuất phương tiện giao thông vận tải ứng dụng công nghệ các-bon thấp	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Đầu tư sản xuất một trong các loại hình phương tiện giao thông vận tải sau: 1.1. Phương tiện giao thông vận tải sử dụng điện; 1.2. Phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng xanh, năng lượng tái tạo hoặc các nguồn nhiên liệu, năng lượng bền vững khác không phát thải hoặc ít gây phát thải khí nhà kính. 2. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4	Sản xuất bao bì thân thiện với môi trường	Quản lý chất thải	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Sản xuất sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường, bao gồm bao bì nhựa thân thiện với môi trường, túi giấy, hộp giấy, túi vải không dệt, các sản phẩm bao bì từ bã mía, tinh bột và các nguyên liệu tự nhiên, thân thiện với môi trường khác theo quy định của pháp luật. 2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì theo quy định của pháp luật. 3. Được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế, quốc gia chứng nhận nhãn sinh thái (đã được cơ quan có thẩm quyền ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau).

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
5	Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất có nguồn gốc từ thiên nhiên, thân thiện với môi trường	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Sản xuất một trong các loại hóa chất và sản phẩm hoá chất thân thiện với môi trường sau: 1.1. Hóa chất phòng trừ sâu bệnh thân thiện với môi trường như hoạt chất gốc cacbamat, hoạt chất họ azole và dẫn xuất, hoạt chất nhóm pyrethroide, validamycin; 1.2. Các chủng loại mực in thân thiện với môi trường như các sản phẩm đi từ gốc nước, thay thế hoặc loại bỏ thành phần dung môi toluene, MEK bằng alcohol; 1.3. Sản phẩm chất tẩy rửa, mỹ phẩm sử dụng nguyên liệu, các hoạt chất có nguồn gốc thiên nhiên, thân thiện với môi trường, an toàn cho người sử dụng. 2. Sản phẩm được sản xuất đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 2.1. Được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế, quốc gia chứng nhận nhãn sinh thái (đã được cơ quan có thẩm quyền ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau). 2.2. Đạt được các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy định có liên quan đến tuần hoàn của các thị trường xuất khẩu.
6	Sản xuất, phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm phục vụ các yêu cầu bảo vệ môi trường	Tạo ra lợi ích khác về môi trường	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Thuộc Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 2. Thiết bị, sản phẩm được sản xuất ra phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật.
G	**DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG**		
1	Thu gom, phân loại, trung chuyển, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường	Quản lý chất thải	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Số lượng, chất lượng phân loại đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1.1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại theo quy định của pháp luật; 1.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được phân loại theo quy định của pháp luật. 2. Áp dụng các giải pháp phân loại phù hợp và đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình phân loại.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
			3. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng. 4. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn.
2	Tái chế chất thải	Quản lý chất thải	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Đạt tối thiểu tỷ lệ tái chế theo quy định về trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 2. Công nghệ, kỹ thuật tái chế đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật tái chế chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng;
3	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường	Quản lý chất thải	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Tỷ lệ chất thải rắn không thể tái sử dụng, tái chế phải chôn lấp theo quy định của pháp luật. 2. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng yêu cầu, tiêu chí công nghệ xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng.
4	Thu gom, phân loại, xử lý chất thải nguy hại	Quản lý chất thải	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật môi trường về xử lý chất thải nguy hại. 2. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng yêu cầu, tiêu chí quản lý, công nghệ xử lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng.
5	Thu gom nước thải đô thị, khu dân cư tập trung	Quản lý chất thải	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Đáp ứng yêu cầu về thu gom nước thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 2. Công trình hạ tầng, kỹ thuật thu gom đáp ứng yêu cầu về thoát nước theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

STT	Loại hình dự án	Mục tiêu	Yêu cầu
6	Xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung	Quản lý chất thải	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng cột A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2025/BTNMT). 2. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng.
7	Thu gom, xử lý nước thải y tế	Quản lý chất thải	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Đáp ứng yêu cầu về thu gom và xử lý nước thải y tế theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan; chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng cột A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2025/BTNMT). 2. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng.
8	Thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	Quản lý chất thải	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Đáp ứng yêu cầu về thu gom và xử lý nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 2. Chất lượng nước thải sau xử lý đạt cột A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2025/BTNMT). 3. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng.
9	Xử lý khí thải	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Chất lượng xử lý khí thải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1.1. Đạt cột B của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (QCVN 19:2024/BTNMT); 1.2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương khác về khí thải do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật. 2. Công nghệ, kỹ thuật, thiết bị, sản phẩm xử lý đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật xử lý khí thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng.

* ***Ghi chú:*** Yêu cầu tại cột số (4) của Phụ lục I được xây dựng dựa trên quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các tài liệu được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Khi cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế thì yêu cầu sẽ áp dụng theo quy định mới.

Phụ lục II

DỰ ÁN ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ TUẦN HOÀN

(Kèm theo Quyết định số 46/2026/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nhóm, loại hình dự án	Ngành, lĩnh vực, sản phẩm	Yêu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)
I	**DỰ ÁN THIẾT KẾ, SẢN XUẤT TUẦN HOÀN**		
1	Dự án áp dụng tuần hoàn trong canh tác, trồng trọt	Cây trồng chủ lực như lúa, sắn, mía, cà phê, ca cao, điều, sầu riêng, cây ăn quả, chuối...	Dự án đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Dự án áp dụng thiết kế, sản xuất và thực hiện tuần hoàn trong canh tác, trồng trọt theo một trong các mô hình sau: 1.1. Canh tác hữu cơ, canh tác giảm phát thải khí nhà kính. 1.2. Khép kín bền vững, nâng cao hiệu quả tài nguyên, giảm phát sinh chất thải, nước thải, giảm phát thải khí nhà kính theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. 2. Sử dụng các chế phẩm, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học; chế phẩm kích kháng thực vật; pheromone; vắc xin thực vật; chế phẩm phục hồi độ phì đất, dinh dưỡng đất; chế phẩm bảo quản, chế biến được công nhận. 3. Thu gom, xử lý phụ phẩm, chất thải từ hoạt động nông nghiệp để sản xuất sản phẩm hàng hóa, sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, sản xuất phân bón, sản xuất năng lượng hoặc chuyển giao để tái sử dụng, tái chế cho các mục đích khác. 4. Phụ phẩm, chất thải từ hoạt động trồng trọt phải được quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật trồng trọt; sản phẩm và hàng hóa tạo ra được quản lý, truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa và pháp luật khác có liên quan. 5. Đạt được các chỉ tiêu sau đây: 5.1. Trên 50% phụ phẩm phát sinh từ hoạt động trồng trọt được thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng, trong đó trên 80% rơm rạ được thu gom và tái sử dụng hoặc chuyển giao để tái sử dụng, tái chế. 5.2. Giảm được tối thiểu 30% lượng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học. 5.3. Mức giảm phát thải khí nhà kính của dự án phải được đo đạc theo phương pháp luận do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo cao hơn mức đóng góp tự quyết định quốc gia (NDC) của lĩnh vực trồng trọt.

2	Dự án áp dụng tuần hoàn trong chăn nuôi	Gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi	Dự án đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Áp dụng thiết kế, sản xuất và thực hiện tuần hoàn trong trang trại chăn nuôi theo quy trình, công nghệ chăn nuôi tuần hoàn không chất thải theo chuỗi khép kín để tận dụng tối đa phụ phẩm và chất thải (chất thải rắn, nước thải, khí metan, CO_2...) thông qua áp dụng các biện pháp thu hồi, xử lý, tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, nâng cao hiệu quả tài nguyên theo kỹ thuật, hướng dẫn hoặc được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền. 2. Công nghệ thu gom, xử lý chất thải lỏng, chất thải rắn; công nghệ tái chế, sử dụng phụ phẩm trong ngành chăn nuôi (phân thải, máu, xương, chất độn chuồng) làm năng lượng tái tạo, phân bón và các sản phẩm hữu ích khác được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy hoặc công nhận theo quy định. 3. Phụ phẩm, chất thải từ hoạt động chăn nuôi phải được quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật chăn nuôi và pháp luật về bảo vệ môi trường; sản phẩm, hàng hóa tạo ra từ xử lý chất thải chăn nuôi được quản lý, truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, pháp luật chăn nuôi và pháp luật khác có liên quan. 4. Nước thải chăn nuôi được xử lý, xả thải ra môi trường phải đạt Cột A theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 62:2025/BTNMT. Nước thải sau xử lý được tái sử dụng làm nước tưới cây phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định có liên quan do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ, cơ quan ngang bộ có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 5. Chất thải rắn, bùn thải được tái sử dụng làm phân bón cho cây trồng phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định do cơ quan có thẩm quyền ban hành. 6. Đạt được các chỉ tiêu dưới đây: 6.1. Giảm ít nhất 30% tổng lượng phát thải khí mê-tan thông qua thực hiện dự án. 6.2. Mức giảm phát thải khí nhà kính của dự án phải được đo đạc theo phương pháp luận do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo cao hơn so với mức đóng góp tự quyết định quốc gia (NDC) của lĩnh vực chăn nuôi. 6.3. Trên 90% chất thải rắn, bùn thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi được thu gom, tái chế hoặc tái sử dụng. 6.4. Ít nhất 70% nước thải được tuần hoàn, tái sử dụng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

			về tái sử dụng nước.
3	Dự án áp dụng tuần hoàn trong nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước mặn	Dự án đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Áp dụng thiết kế, sản xuất và thực hiện tuần hoàn theo một hoặc nhiều mô hình tuần hoàn trong nuôi trồng thủy sản như: hệ thống nuôi tuần hoàn nước (RAS), biofloc, nuôi đa tầng (IMTA), hệ thống xử lý sinh học hoặc mô hình tích hợp nuôi - chế biến - năng lượng hoặc mô hình tuần hoàn khác được công nhận. 2. Bùn thải, chất thải rắn, nước thải được thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. 3. Có hệ thống quản lý, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, quá trình sản xuất và sản phẩm. 4. Đạt được các chỉ tiêu dưới đây: (i). Ít nhất 50% bùn thải trong nuôi trồng thủy sản được xử lý và tái sử dụng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định của pháp luật bảo vệ môi trường, pháp luật thủy sản. (ii). Ít nhất 50% nước thải trong nuôi trồng thủy sản được xử lý và tái sử dụng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. (iii). Mức giảm phát thải khí nhà kính của dự án phải được đo đạc theo phương pháp luận do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo cao hơn mức đóng góp tự quyết định quốc gia (NDC) của lĩnh vực chăn nuôi. (iv). Khuyến khích dự án đạt chứng nhận quốc tế về nuôi trồng, chế biến thủy sản bền vững (ASC, Global G.A.P, BAP hoặc tương đương).
4	Dự án sản xuất sản phẩm, vật liệu có nguồn gốc hữu cơ, sinh học dễ phân hủy, tái chế	Hóa chất từ tự nhiên, thân thiện với môi trường Phân bón hữu cơ từ phụ phẩm, chất thải Các sản phẩm, vật liệu có thể tái sử dụng, tái chế hoặc phân hủy sinh học	Dự án đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Sản xuất và cung cấp các sản phẩm, vật liệu mới, bền vững, có nguồn gốc sinh học, có thể tái sử dụng, tái chế hoặc thân thiện với môi trường. 2. Các phụ phẩm, nguyên liệu được sử dụng phải hợp pháp, có nguồn gốc trong nước và được quản lý truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. 3. Sản phẩm bao bì phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm do Bộ Y tế ban hành hoặc các quy định khác về an toàn y tế, môi trường đối với sản phẩm. 4. Sản phẩm tạo ra đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 4.1. Đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng sản phẩm hàng hóa theo quy định. 4.2. Được chứng nhận hoặc công nhận nhãn sinh thái Việt Nam theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

			4.3. Đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu (như EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc …). 4.4. Được chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 14006 về thiết kế sinh thái.
5	Dự án áp dụng tuần hoàn trong sản xuất nhiệt điện	Các loại vật liệu, tro bay, xỉ đáy lò của nhà máy nhiệt điện Nước sử dụng trong quá trình sản xuất nhiệt điện	Dự án đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Dự án thực hiện các biện pháp sau đây để đạt được mục tiêu tuần hoàn trong sản xuất nhiệt điện: 1.1. Thay thế nhiên liệu hóa thạch bằng nhiên liệu có nguồn gốc hữu cơ, chất thải hoặc nhiên liệu tái tạo. 1.2. Sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước để giảm khai thác và xả thải nước. 1.3. Áp dụng các biện pháp, công nghệ để giảm tổn thất năng lượng như: thu hồi nhiệt dư để tái sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị khác để tái sử dụng theo quy định; áp dụng mô hình đồng phát; áp dụng công nghệ số để tối ưu hóa hệ thống. 1.4. Thu gom, tái sử dụng tro bay, xỉ đáy lò, thạch cao, phụ phẩm và các chất thải rắn khác để phục vụ sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động kinh tế khác. 1.5. Tái sử dụng các-bon để sản xuất vật liệu, sản phẩm hữu ích hoặc chuyển giao để tái sử dụng theo quy định. 1.6. Đầu tư, mở rộng, nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi sang công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính. 2. Quy trình sản xuất kinh doanh tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; nước thải, khí thải, chất thải rắn được quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành; không gây tác động bất lợi đến sức khỏe và an toàn của người lao động và cộng đồng dân cư. 3. Các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng, chất thải, nước thải, khí thải phải được phân loại, quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và được quản lý truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. 4. Nước thải tuần hoàn, tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định do Bộ, cơ quan ngang bộ ban hành. Trường hợp sử dụng nước thải sau xử lý làm nước tưới cây phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định khi sử dụng nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường làm nước tưới cây do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành. 5. Đáp ứng các chỉ tiêu dưới đây: 5.1. Tỷ lệ tái sử dụng nước thải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đạt trên 70%.

			5.2. 100% nước thải được xử lý trước khi thải ra môi trường đạt Cột A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2025/BTNMT). 5.3. Giảm tối thiểu 10% mức tiêu hao nguyên liệu thô, nhiên liệu hóa thạch trong quá trình sản xuất. 5.4. Tiết kiệm tối thiểu 10% năng lượng so với định mức tiêu thụ năng lượng của ngành, lĩnh vực do Bộ Công Thương ban hành. 5.5. Mức giảm phát thải khí nhà kính của dự án phải được đo đạc theo phương pháp luận được cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo cao hơn mức đóng góp tự quyết định quốc gia (NDC) của ngành, lĩnh vực. 5.6. Trên 95% tro, xỉ, thạch cao phát sinh từ các nhà máy điện, nhà máy hóa chất, phân bón được tái chế, tái sử dụng và xử lý làm nguyên liệu sản xuất, vật liệu xây dựng, san lấp,... đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành. 5.7. Trên 90% nhiệt dư được tái sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị khác để tái sử dụng theo quy định của pháp luật.
6	Dự án áp dụng tuần hoàn trong công nghiệp chế biến, chế tạo	Dệt may, thép, nhựa, hóa chất, đồ uống, giấy, chế biến thực phẩm và một số ngành sản xuất khác.	Dự án đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Dự án áp dụng tuần hoàn tại cơ sở sản xuất thuộc một trong các lĩnh vực dệt may, thép, nhựa, hóa chất, đồ uống, giấy, chế biến thực phẩm. 2. Dự án đầu tư, mở rộng, nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi sang công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính. 3. Dự án chứng minh áp dụng một hoặc nhiều biện pháp dưới đây để đạt được tiêu chí tuần hoàn sau: 3.1. Giảm tiêu hao nguyên liệu, vật liệu thô, nhiên liệu hóa thạch, tiết kiệm năng lượng đầu vào. 3.2. Chuyển đổi sang nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng có nguồn gốc sinh khối, tái tạo. 3.3. Sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước. 3.4. Thu hồi nhiệt dư, các-bon để lưu trữ, sử dụng hoặc chuyển giao để tái sử dụng. 3.5. Các biện pháp tuần hoàn khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 4. Quy trình sản xuất kinh doanh tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; nước thải, khí thải, chất thải rắn công nghiệp được quản lý theo đúng quy định hiện hành.

			5. Sản phẩm tạo ra đáp ứng quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy chuẩn kỹ thuật về an toàn đối với sản phẩm và bao bì do cơ quan có thẩm quyền ban hành. 6. Các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng, chất thải, nước thải phải được phân loại, quản lý truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật khác có liên quan. 7. Nước thải tuần hoàn, tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định do Bộ, cơ quan ngang bộ ban hành. Trường hợp sử dụng nước thải sau xử lý làm nước tưới cây phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định khi sử dụng nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường làm nước tưới cây do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành. 8. Đáp ứng các chỉ tiêu dưới đây: 8.1. Tỷ lệ tái sử dụng nước thải đạt trên 70%. 8.2. Trên 95% nước thải sản xuất được xử lý đạt Cột A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2025/BTNMT). 8.3. Giảm tối thiểu 10% mức tiêu hao nguyên liệu thô, nhiên liệu hóa thạch chính của lĩnh vực của dự án do thực hiện biện pháp tuần hoàn. 8.4. Tiết kiệm tối thiểu 10% năng lượng so với định mức tiêu thụ năng lượng của ngành, lĩnh vực do Bộ Công Thương ban hành. 8.5. Mức giảm phát thải khí nhà kính của dự án phải được đo đạc theo phương pháp luận do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo cao hơn mức đóng góp tự quyết định quốc gia (NDC) của ngành, lĩnh vực tương ứng.
7	Dự án sản xuất vật liệu, sản phẩm thay thế nguyên liệu nguyên sinh bằng phụ phẩm, nguyên liệu tái chế trong công nghiệp chế biến,	Sản phẩm nhựa, sản phẩm dệt may	Dự án đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Dự án sản xuất các nguyên liệu, sản phẩm tái chế áp dụng thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng cho các sản phẩm nhựa, sản phẩm dệt may. 2. Sản phẩm sản xuất của dự án đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 2.1. Tăng độ bền, kéo dài vòng đời sản phẩm. 2.2. Dễ sửa chữa, nâng cấp, thay thế linh kiện. 2.3. Dễ tháo rời để thu hồi, tái sử dụng linh kiện hoặc vật liệu khi hết vòng đời.

	chế tạo		2.4. Loại bỏ hoặc giảm đáng kể chất nguy hại, chất đáng lo ngại trong thành phần sản phẩm. 2.5. Tăng tỷ lệ vật liệu có thể tái chế khi thải bỏ. 3. Các phụ phẩm, nguyên liệu tái chế, nguyên liệu sinh học được sử dụng phải hợp pháp, có nguồn gốc trong nước và được quản lý truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. 4. Sản phẩm tạo ra đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 4.1. Đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng sản phẩm hàng hóa theo quy định. 4.2. Được chứng nhận hoặc công nhận nhãn sinh thái Việt Nam theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường; 4.3. Đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu (như EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc …); 4.4. Được chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 14006 về thiết kế sinh thái. 5. Sản phẩm bao bì phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm do Bộ Y tế ban hành (nếu có). 6. Quá trình sản xuất phải đáp ứng đầy đủ quy định về an toàn hóa chất theo quy định pháp luật hóa chất, pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động. 7. Đáp ứng chỉ tiêu cụ thể theo từng sản phẩm ưu tiên: 7.1 Yêu cầu về tỷ lệ tái chế tối thiểu đối với sản phẩm, vật liệu được sản xuất của dự án do các thị trường xuất khẩu quy định (EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc;…). 7.2. Được chứng nhận nhãn sinh thái Việt Nam hoặc đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, vật liệu tái chế theo quy định của pháp luật.
8	Dự án áp dụng tuần hoàn trong sản xuất vật liệu xây dựng	Vật liệu xây dựng	Dự án đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau đây: 1. Dự án sản xuất một trong các loại vật liệu theo quy định của pháp luật về xây dựng 1.1. Vật liệu xanh; 1.2. Vật liệu tái chế; 1.3. Vật liệu thân thiện với môi trường.

			2. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất ra đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, danh mục sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng theo mức độ rủi ro và quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng do cơ quan có thẩm quyền ban hành.
II	**DỰ ÁN SỬ DỤNG TUẦN HOÀN**		
1	Sửa chữa, cải tạo để tái sử dụng các công trình, cơ sở hạ tầng	Công trình xây dựng	Dự án sửa chữa, cải tạo đáp ứng đồng thời các yêu cầu: 1. Công trình hoặc cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất đã hết thời hạn sử dụng theo thiết kế hoặc không còn phù hợp với mục đích sử dụng ban đầu nếu không được cải tạo, tân trang thì sẽ bị bỏ hoang hoặc phải phá dỡ gây lãng phí và phát sinh chất thải. 2. Dự án sửa chữa, cải tạo, tân trang được thiết kế theo hướng tuần hoàn sau: 2.1. Ưu tiên tái sử dụng cấu kiện, vật liệu xây dựng (thép kết cấu, bê tông, gỗ, kính…) từ công trình hoặc cơ sở hạ tầng cũ; 2.2. Chỉ phá dỡ khi có lý do kỹ thuật và an toàn bắt buộc; 2.3. Tuân thủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng; quy định về quản lý chất lượng, thi công và bảo trì công trình xây dựng theo pháp luật xây dựng. 3. Công trình hoặc cơ sở hạ tầng được sửa chữa, cải tạo phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về bảo vệ môi trường. 4. Công trình hoặc cơ sở hạ tầng được sửa chữa, cải tạo được kiểm toán năng lượng theo quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Khuyến khích công trình, cơ sở hạ tầng sau sửa chữa, cải tạo đạt chứng nhận công trình xanh theo quy định của pháp luật xây dựng. 5. Dự án chứng minh đáp ứng hoặc cải thiện các chỉ tiêu dưới đây: 5.1. Tỷ lệ vật liệu, cấu kiện (thép, bê tông, gỗ, kính…) được tái sử dụng từ công trình cũ được đo lường và công bố trong báo cáo Thuyết minh của dự án; 5.2. Đạt tối thiểu 50% tổng diện tích của các sàn của công trình hoặc cơ sở hạ tầng gốc được giữ lại sau sửa chữa, cải tạo. 5.3. Tỷ lệ chất thải xây dựng và phá dỡ không nguy hại phát sinh trên công trường được tái chế hoặc chuẩn bị tái sử dụng đạt tối thiểu 70% theo khối lượng (không tính vật liệu san lấp).

			5.4. Mức tiêu thụ năng lượng của công trình hoặc cơ sở hạ tầng sau sửa chữa, cải tạo thấp hơn so với trước khi cải tạo hoặc đạt tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng theo QCVN 09:2017/BXD.
2	Dự án áp dụng mô hình tái sử dụng sản phẩm, bao bì	Bao bì đồ uống, thực phẩm; pin, ắc quy và thiết bị lưu trữ điện	Dự án đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Dự án áp dụng một trong các mô hình dưới đây: 1.1. Mô hình đặt cọc - hoàn trả hoặc mô hình tái sử dụng đối với bao bì trong kinh doanh đồ uống, thực phẩm. 1.2. Mô hình chuyển đổi từ bán sản phẩm sang cho thuê đối với pin, ắc quy hoặc thiết bị lưu trữ điện. 2. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện dự án giữ quyền sở hữu sản phẩm và chịu trách nhiệm đầy đủ về bảo dưỡng, nâng cấp, thu hồi và quản lý khi kết thúc vòng đời dịch vụ. 3. Việc tái sử dụng các sản phẩm, bao bì phải tuân thủ quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng. 4. Dự án có cơ chế bắt buộc thu hồi bao bì, sản phẩm từ người tiêu dùng thông qua hợp đồng hoặc biện pháp phù hợp khác và có hệ thống theo dõi, giám sát hiệu suất sử dụng và báo cáo tác động môi trường trong toàn bộ vòng đời dịch vụ. 5. Bao bì, sản phẩm thu hồi sau khi kết thúc vòng đời dịch vụ phải được tái sử dụng, tân trang hoặc tái sản xuất. Trường hợp bao bì, sản phẩm không còn khả năng tái sử dụng phải được chuyển giao cho cơ sở tái chế có chức năng theo quy định. 6. Dự án chứng minh đáp ứng các chỉ tiêu dưới đây theo loại sản phẩm, bao bì: 6.1. Hệ số sử dụng sản phẩm được chứng minh tăng so với mô hình sở hữu truyền thống tính theo số lần sử dụng hoặc thời gian vận hành trên vòng đời sản phẩm; phương pháp đo lường và kết quả được công bố trong báo cáo Thuyết minh của dự án. 6.2. Đối với đồ uống việc áp dụng mô hình đặt cọc - hoàn trả hoặc mô hình tái sử dụng khác: tỷ lệ thu hồi bao bì đặt cọc phải đạt tối thiểu 76% trong năm đầu vận hành và trên 85% từ năm thứ 3 trở đi. 6.3. Đối với pin, ắc quy hoặc thiết bị lưu trữ điện năng khác: Pin, ắc quy hoặc thiết bị lưu trữ phải được thu hồi, tái sử dụng cho mục đích khác hoặc tái chế theo quy định của pháp luật bảo

			vệ môi trường; 100% pin hoặc ắc quy hoặc thiết bị lưu trữ điện năng khác phải được thu hồi khi kết thúc hợp đồng dịch vụ.
III	**DỰ ÁN PHỤC HỒI TÀI NGUYÊN**		
1	Dự án phục hồi tài nguyên từ phụ phẩm, chất thải có nguồn gốc sinh khối	Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, chế biến thực phẩm, dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Dự án đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Dự án thực hiện thu gom, xử lý, tái chế một trong các loại phụ phẩm, chất thải có nguồn gốc hữu cơ từ các lĩnh vực sau: 1.1. Trồng trọt 1.2. Chăn nuôi 1.3. Lâm nghiệp 1.4. Thủy sản 1.5. Chế biến gỗ 1.6. Thực phẩm 2. Nguyên liệu, phụ phẩm, chất thải có nguồn gốc sinh khối, khí thải từ một trong các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, thực phẩm phải được phân loại tại nguồn, thu gom riêng và có thể truy xuất nguồn gốc. 3. Áp dụng công nghệ, kỹ thuật tái chế, tái sử dụng phụ phẩm, chất thải phù hợp với từng lĩnh vực để tạo ra sản phẩm hưu ích dưới đây và theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. 3.1. Công nghệ, kỹ thuật sản xuất sản phẩm từ nguyên liệu, tái chế phụ phẩm, chất thải trong trồng trọt. 3.2. Công nghệ sản xuất, tái chế, sử dụng phụ phẩm trong ngành chăn nuôi (phân thải, máu, xương, chất độn chuồng) để phát điện, thu hồi năng lượng từ khí sinh học, giảm phát thải khí mê-tan, làm phân bón hữu cơ, thức ăn cho trùn quế, ruồi lính đen và các sản phẩm, vật liệu, nhiên liệu hữu ích khác. 3.3. Công nghệ, kỹ thuật tái chế, tái sử dụng phụ phẩm lâm nghiệp để sản xuất gỗ, nhiên liệu sinh học (viên nén gỗ), pallet mùn cưa ép và tấm cách nhiệt, chống cháy sợi gỗ và các sản phẩm hữu ích khác. 3.4. Công nghệ, kỹ thuật sản xuất, tái chế, sử dụng nguyên liệu, phụ phẩm trong ngành sản xuất tôm (vỏ tôm, đầu tôm, nước thải, bùn thải…) thành các sản phẩm, nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu có giá trị. 4. Nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu và sản phẩm sản xuất ra đáp ứng một trong các yêu cầu sau: 4.1. Được chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng sản phẩm hàng hóa theo quy định

			4.2. Được chứng nhận hoặc công nhận nhãn sinh thái Việt Nam theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường 4.3. Đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu (như EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc …).
2	Dự án phục hồi tài nguyên để tái chế chất thải, sản phẩm, bao bì công nghiệp	Bao bì, Ắc quy và Pin, Dầu nhớt, săm lốp, điện - điện tử, phương tiện giao thông đường bộ	1. Dự án thực hiện tái chế một trong các sản phẩm, bao bì theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường về trách nhiệm tái chế sản phẩm của nhà sản xuất, nhập khẩu, bao gồm: bao bì, ắc quy và pin, dầu nhớt, săm, lốp và các sản phẩm từ cao su khác, thiết bị điện - điện tử, phương tiện giao thông đường bộ. 2. Chất thải sử dụng để tái chế phải được phân loại, xử lý, thu hồi, tái chế theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có thể truy xuất nguồn gốc. 3. Có giấy phép môi trường trong thực hiện hoạt động tái chế quy định của pháp luật bảo vệ môi trường. 4. Sản phẩm tái chế đáp ứng quy định về quản lý an toàn đối với sức khỏe con người và môi trường, phù hợp với mục đích, điều kiện sử dụng. 5. Sản phẩm tái chế khi lưu thông trên thị trường thì phải đáp ứng các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Khuyến khích các sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu (EU, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản…). 6. Trường hợp, Nhà sản xuất, nhập khẩu tự thực hiện tái chế hoặc sử dụng sản phẩm, bao bì thải bỏ làm nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm, bao bì, tỷ lệ tái chế hàng năm phải cao hơn so với tỷ lệ tái chế bắt buộc theo quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất tại thời điểm thực hiện dự án.
3	Dự án phục hồi tài nguyên từ chất thải phát sinh do phá dỡ công trình xây dựng, giao thông	Vật liệu xây dựng Hạ tầng giao thông	Dự án đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Dự án thực hiện thu hồi, tái chế, tái sử dụng đối với chất thải từ hoạt động cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng 2. Phân loại, thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải phải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng và quản lý chất thải rắn xây dựng. 3. Nguồn vật liệu, chất thải phải được sử dụng có nguồn gốc rõ ràng và phải được phân loại, thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng cho công trình xây dựng theo quy định của pháp luật xây dựng hoặc sản xuất các sản phẩm hữu ích khác. 4. Cơ sở sản xuất phải có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường. 5. Đáp ứng quy định về sử dụng chất thải trong sản xuất vật liệu xây dựng và công trình xây dựng theo pháp luật về xây dựng.

			6. Vật liệu tái chế, vật liệu san lấp hoặc các sản phẩm khác được tạo ra từ chất thải phát sinh do tháo dỡ công trình xây dựng, giao thông phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vật liệu do cơ quan có thẩm quyền ban hành.
4	Dự án tuần hoàn, tái sử dụng nước	Nước thải sinh hoạt từ đô thị, khu dân cư Nước thải từ khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh tập trung; các cơ sở sản xuất, kinh doanh	Dự án đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Dự án tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước theo kế hoạch, lộ trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành. 2. Dự án phải có phương án sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước đối với các dự án. 3. Công nghệ, thiết bị sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng phải được hợp chuẩn, hợp quy, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. 4. Nước thải tuần hoàn, tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định do Bộ, cơ quan ngang bộ ban hành. Trường hợp sử dụng nước thải sau xử lý làm nước tưới cây phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật hoặc quy định khi sử dụng nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường làm nước tưới cây do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành. 5. Nước thải sản xuất được xử lý đạt Cột A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2025/BTNMT).
5	Dự án cải tạo, phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm	Quản lý nước thải, tài nguyên nước	1. Dự án thuộc Đề án phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm do cơ quan có thẩm quyền ban hành. 2. Phương án, công nghệ, kỹ thuật phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thẩm định theo quy định của pháp luật tài nguyên nước; pháp luật bảo vệ môi trường. 3. Chất lượng nguồn nước mặt sau cải tạo, phục hồi đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (QCVN 08:2023/BTNMT).
IV	**DỰ ÁN CỘNG SINH CÔNG NGHIỆP, LIÊN KẾT TUẦN HOÀN**		
1	Dự án áp dụng tuần hoàn theo mô hình liên kết, tuần hoàn giữa các lĩnh vực nông - lâm -	Liên lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, du lịch và thực phẩm.	Dự án đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Áp dụng thiết kế, sản xuất và thực hiện tuần hoàn theo một trong các mô hình sau: nông lâm kết hợp, trồng trọt - chăn nuôi - thủy sản, lâm nghiệp - thủy sản, nông nghiệp - du lịch, nông nghiệp - thực phẩm và các mô hình liên kết khác… phù hợp với đặc điểm từng vùng, địa phương.

	ngư nghiệp và thực phẩm.		2. Ứng dụng các kỹ thuật và công nghệ sản xuất bền vững, tiết kiệm vật tư đầu vào, giảm phát thải khí nhà kính và thân thiện với môi trường theo hướng dẫn hoặc được công nhận, thừa nhận của cơ quan có thẩm quyền. 3. Phụ phẩm, chất thải, nước thải phát sinh từ các hoạt động của dự án được phân loại, thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành. 4. Đáp ứng các chỉ tiêu dưới đây: 4.1. Ít nhất 50% phụ phẩm phát sinh từ hoạt động trồng trọt được thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng, trong đó 80% rơm rạ được thu gom và tái sử dụng hoặc chuyển giao để tái sử dụng, tái chế. 4.2. Giảm tối thiểu 30% lượng phân bón hóa học và 30% lượng thuốc bảo vệ thực vật. 4.3. Ít nhất 70% nước thải được tuần hoàn, tái sử dụng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tái sử dụng nước. 4.4. Mức giảm phát thải khí nhà kính của dự án phải được đo đạc theo phương pháp luận được cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo cao hơn so với mức đóng góp tự quyết định quốc gia (NDC) của lĩnh vực chăn nuôi.
2	Dự án phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp sinh thái	Khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Yêu cầu đối với từng dự án như sau: 1. Dự án xây dựng mới hạ tầng khu công nghiệp sinh thái phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1.1. Dự án đầu tư xây dựng mới khu công nghiệp được chấp thuận chủ trương đầu tư theo mô hình khu công nghiệp sinh thái theo quy định của pháp luật về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế hoặc pháp luật về quản lý cụm công nghiệp. 1.2. Cam kết đáp ứng các tiêu chí và được xác định, công nhận là khu công nghiệp sinh thái hoặc cụm công nghiệp sinh thái theo quy định của pháp luật trong vòng 08 năm kể từ thời điểm khu công nghiệp, cụm công nghiệp được thành lập và xác định rõ lộ trình thực hiện. 2. Trường hợp dự án đã đi vào vận hành, khu công nghiệp phải được chứng nhận là khu công

			nghiệp sinh thái theo quy định của pháp luật về quản lý khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp phải được chứng nhận, công nhận là cụm công nghiệp sinh thái theo quy định của pháp luật về cụm công nghiệp.
3	Dự án xây dựng, phát triển hạ tầng mạng lưới cộng sinh công nghiệp, doanh nghiệp trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Lĩnh vực liên kết hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: 1. Sử dụng chung hạ tầng (không bao gồm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội dùng chung của khu công nghiệp do nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp cung cấp) phục vụ hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp nhằm thực hiện các hoạt động cộng sinh công nghiệp. 2. Trao đổi yếu tố đầu vào, đầu ra (nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu và yếu tố khác) trong quá trình sản xuất, kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong khu công nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật bảo vệ môi trường. 3. Sử dụng chung dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh trong khu công nghiệp do các bên thực hiện cộng sinh công nghiệp hoặc bên thứ ba trong hoặc ngoài khu công nghiệp cung cấp.
4	Dự án phát triển mô hình tuần hoàn tại khu đô thị, khu dân cư tập trung	Khu đô thị, khu dân cư	Đạt tiêu chí đô thị tăng trưởng xanh theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị hoặc chứng nhận công trình xanh.

Phụ lục III
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH
DỰ ÁN XANH, DỰ ÁN ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ TUẦN HOÀN
(Kèm theo Quyết định số 46/2026/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

...(1)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:	*Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...*

Kính gửi: ... (2)...

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh đề nghị đánh giá, xác định: .....

.....

Người đại diện: ..... Chức vụ: .....

Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

Số điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

- Đề nghị đánh giá, xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn: ... (3)...

- Hồ sơ đề nghị đánh giá, xác định dự án xanh hoặc dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn bao gồm:

(Liệt kê các tài liệu theo quy định tại Điều 4 Quyết định số .../2026/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

(1)... cam kết các thông tin cung cấp trên đây là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các thông tin này, đồng thời cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Đề nghị ..... (2) ..... xem xét, xác định dự án ...(3)... đáp ứng tiêu chí đối với dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn theo quy định tại Quyết định số ..../2026/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Tài liệu gửi kèm theo: .....

...(1)...
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:
(1) Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh có nhu cầu đánh giá, xác định gửi văn bản.
(2) Tổ chức đánh giá độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số .../2026/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.
(3) Tên dự án.

Phụ lục IV
MẪU BÁO CÁO THUYẾT MINH
DỰ ÁN ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ ĐỐI VỚI DỰ ÁN XANH
(Kèm theo Quyết định số 46/2026/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TÊN DOANH NGHIỆP/ HỘ KINH DOANH/CÁ NHÂN KINH DOANH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO THUYẾT MINH
DỰ ÁN ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ ĐỐI VỚI DỰ ÁN XANH

I. Thông tin chung về chủ dự án

1. Tên chủ dự án:.....

2. Địa chỉ liên hệ:.....

3. Đại diện pháp luật: .....

4. Số điện thoại: .....

5. Fax: .....

6. Email: .....

7. Địa chỉ website của chủ dự án (nếu có): .....

8. Người liên hệ (họ và tên, số điện thoại, địa chỉ email): .....

II. Mô tả đặc tính dự án

1. Thông tin về dự án *(dẫn chiếu theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số .../2026/QĐ-TTg ngày...tháng...năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

- Số thứ tự của dự án (theo cột (1) Phụ lục I): .....

- Lĩnh vực, loại hình dự án (theo cột (2) Phụ lục I): .....

- Loại dự án *(nêu rõ dự án mới hoặc dự án mở rộng):* .....

- Hiện trạng thực hiện các thủ tục của dự án *(nêu rõ hiện trạng của dự án đang ở giai đoạn nào):*.....

- Phạm vi, quy mô, công suất hoạt động của dự án:.....

- Nguyên/nhiên/vật liệu phục vụ dự án (đầu vào) và sản phẩm (đầu ra) của dự án (nếu có): .....

- Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xét duyệt thủ tục đầu tư của dự án: .....

2. Lĩnh vực bảo vệ môi trường, lợi ích về môi trường của dự án:

Lĩnh vực bảo vệ môi trường, lợi ích về môi trường của dự án *(tích vào các ô tương ứng, nếu có)*	**Mô tả cụ thể**
☐ Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	
☐ Ứng phó với biến đổi khí hậu	
☐ Quản lý chất thải	
☐ Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường	
☐ Cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường	
☐ Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên	
☐ Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	
☐ Quản lý chất thải	
☐ Tạo ra lợi ích khác về môi trường	

3. Mô tả về kết quả xử lý chất thải, các nguồn phát sinh chất thải của dự án

a) Công nghệ sản xuất/xử lý chất thải được sử dụng:……..……..

b) Các nguồn thải phát sinh trong quá trình hoạt động:……...….

c) Biện pháp kiểm soát các nguồn thải phát sinh trong quá trình hoạt động:…….

4. Tác động đến các mục tiêu bảo vệ môi trường của dự án

Các tác động đến mục tiêu bảo vệ môi trường của dự án *(tích vào các ô tương ứng, nếu có)*	**Mô tả cụ thể**
☐ Sử dụng không hiệu quả tài nguyên (đất, nước, khoáng sản, rừng và các dạng tài nguyên khác)	
☐ Phát thải khí nhà kính lớn; hạn chế phát triển nguồn năng lượng tái tạo; sử dụng không hiệu quả nguồn năng lượng	
☐ Không phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương	
☐ Phát sinh nguy cơ ô nhiễm môi trường; suy thoái chất lượng môi trường; gây ra sự cố môi trường; gây thiệt hại cho các công trình bảo vệ môi trường	
☐ Suy giảm hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, nguồn vốn tự nhiên	
☐ Không đáp ứng các yêu cầu về quản lý chất thải; áp dụng kinh tế tuần hoàn	
☐ Phát sinh chất thải, nước thải chưa được xử lý ra môi trường	
☐ Rủi ro, ảnh hưởng khác về môi trường (nếu có)	

5. Loại chất thải, khối lượng chất thải và nguồn phát sinh

STT	Loại chất thải, khối lượng chất thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh	Diễn giải chi tiết
1	Nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: - Nước thải sinh hoạt; - Nước thải công nghiệp.	
2	Bụi, khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: - Nguồn phát sinh; - Lượng phát sinh; - Chất ô nhiễm/Nồng độ của các thông số ô nhiễm trong khí thải.	
3	Chất thải rắn phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: - Chất thải rắn sinh hoạt; - Chất thải rắn công nghiệp; - Chất thải rắn nguy hại.	

6. Biện pháp kiểm soát, quản lý, xử lý các nguồn thải

STT	Phương án	Diễn giải chi tiết
1	Đối với nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh	
2	Đối với bụi, khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh	
3	Đối với chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại) phát sinh hoặc dự kiến phát sinh	

7. Các thông tin khác

- Đối với dự án đang hoạt động: nêu rõ hiện trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án.

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất: nêu rõ các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng hoặc điều chỉnh/thay đổi/bổ sung trong dự án mở rộng quy mô, nâng công suất; sự kết nối giữa các hạng mục công trình hiện hữu với công trình đầu tư mới.

III. Việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của dự án

1. Thủ tục môi trường của dự án đã thực hiện *(tích vào các ô tương ứng, nếu có)*

Loại thủ tục môi trường	Diễn giải chi tiết
☐ Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Ghi rõ số Quyết định, ngày, tháng, năm và cơ quan ban hành
☐ Giấy phép môi trường	Ghi rõ số Giấy phép, ngày, tháng, năm và cơ quan ban hành
☐ Đăng ký môi trường	Ghi rõ ngày, tháng, năm gửi cơ quan nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận Đăng ký môi trường
☐ Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường	Ghi rõ số Giấy xác nhận, ngày, tháng, năm và cơ quan ban hành

Loại thủ tục môi trường	Diễn giải chi tiết
☐ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	Ghi rõ số Giấy phép, ngày, tháng, năm và cơ quan ban hành
☐ Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	Ghi rõ số Giấy xác nhận, ngày, tháng, năm và cơ quan ban hành
☐ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại	Ghi rõ số Giấy phép, ngày, tháng, năm và cơ quan ban hành
☐ Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Ghi rõ mã số Sổ
☐ Kế hoạch bảo vệ môi trường	
☐ Đề án bảo vệ môi trường chi tiết/đơn giản	
☐ Thủ tục môi trường khác mà Chủ dự án đã thực hiện (nếu có)	Ghi rõ loại văn bản, số, ngày cấp, nơi cấp

2. Hình thức, mức độ đã bị xử phạt và biện pháp khắc phục hành vi vi phạm hành chính về môi trường (nếu có)

.....
.....

3. Mô tả công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

STT	Loại hình công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Diễn giải chi tiết	Ghi chú
1	Công trình, biện pháp xử lý/quản lý nguồn thải	Mô tả và thuyết minh rõ sơ đồ quy trình xử lý	Đính kèm bản sao các tài liệu liên quan
2	Công tác quản lý chất thải	Mô tả chi tiết các hoạt động quản lý chất thải của dự án đã thực hiện hoặc dự kiến thực hiện	
3	Việc thực hiện giám sát môi trường theo quy định hiện hành		

IV. Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí của dự án xanh theo quy định

TT	Tiêu chí *(theo quy định tại Quyết định số ..../2026/QĐ-TTg ngày...tháng...năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*	Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí theo quy định *Đáp ứng/Không đáp ứng*	Ghi chú
1	....		
...	....		

Đánh giá tổng quát *(Chủ dự án đối chiếu tất cả các hoạt động của dự án với tiêu chí của dự án xanh quy định tại Điều 3 Quyết định số .../2026/QĐ-TTg ngày...tháng...năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ để tự đánh giá dự án có đáp ứng các tiêu chí của dự án xanh hay không)*

V. Các tài liệu kỹ thuật khác đính kèm:

- Tài liệu 1:
- Tài liệu 2:
- .....

Ghi chú: Tài liệu kỹ thuật khác của dự án đáp ứng tiêu chí của dự án xanh:

1. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (trong trường hợp dự án thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) hoặc giấy phép môi trường (trong trường hợp dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường nhưng thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường) hoặc đăng ký môi trường (trong trường hợp dự án thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Văn bản, giấy chứng nhận, chứng chỉ có liên quan để chứng minh tính phù hợp của dự án đáp ứng tiêu chí của dự án xanh quy định tại Quyết định số .../2026/QĐ-TTg ngày...tháng...năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Bản cam kết về việc đáp ứng yêu cầu đối với sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, công nghệ, dịch vụ; cam kết thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật trong trường hợp dự án chưa đi vào vận hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có).

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kèm theo các quyết định, kết luận (nếu có).

VI. Cam kết của chủ doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong tất cả hồ sơ gửi kèm theo báo cáo này. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam và cam đoan thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định của pháp luật khác có liên quan.

TÊN DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Phụ lục V

MẪU BÁO CÁO THUYẾT MINH
DỰ ÁN ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ TUẦN HOÀN

(Kèm theo Quyết định số 46/2026/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TÊN DOANH NGHIỆP/ HỘ KINH DOANH/CÁ NHÂN KINH DOANH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO THUYẾT MINH
DỰ ÁN ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ TUẦN HOÀN

I. Thông tin chung về chủ dự án

1. Tên chủ doanh nghiệp, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: .....

2. Địa chỉ liên hệ:.....

3. Đại diện pháp luật: .....

4. Số điện thoại: .....

5. Fax: .....

6. Email: .....

7. Địa chỉ website của chủ dự án (nếu có): .....

8. Người liên hệ (họ và tên, số điện thoại, địa chỉ email): .....

II. Mô tả đặc tính dự án

1. Thông tin về dự án *(dẫn chiếu theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số .../2026/QĐ-TTg ngày...tháng...năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

- Số thứ tự của dự án (theo cột (1) Phụ lục II): .....

- Lĩnh vực, loại hình dự án (theo cột (2) Phụ lục II): .....

- Loại dự án *(nêu rõ dự án mới; dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất):* .....

- Hiện trạng thực hiện các thủ tục của dự án *(nêu rõ hiện trạng của dự án đang ở giai đoạn nào):*.....

- Phạm vi, quy mô, công suất hoạt động của dự án:.....

- Nguyên/nhiên/vật liệu phục vụ dự án (đầu vào) và sản phẩm (đầu ra) của dự án đầu tư (nếu có): .....

- Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xét duyệt thủ tục đầu tư của dự án: .....

2. Phân tích bối cảnh của doanh nghiệp, dự án

Phân tích bối cảnh trong nước, quốc tế đặt ra cho ngành, lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp; chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước, địa phương liên quan đến phát triển tuần hoàn; hiện trạng, áp lực, hành động, tác động đến tài nguyên, môi trường, khí hậu…. trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh; phân tích lý do cần thiết, ý nghĩa của việc áp dụng tuần hoàn (bao gồm cả những thách thức hiện tại như lãng phí tài nguyên, phát sinh chất thải, khí thải hoặc các vấn đề về vòng đời sản phẩm. Các cơ hội và đóng góp của dự án khi thực hiện các biện pháp để đáp ứng tiêu chí tuần hoàn (thu nhập, việc làm, môi trường, năng lực cạnh tranh, …).

3. Mô tả về hiện trạng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp/ hộ kinh doanh/ cá nhân kinh doanh

- Mô tả vị trí của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng: (là doanh nghiệp khai thác tài nguyên, chế biến, sản xuất, phân phối, thu gom, xử lý chất thải….)

……
……

- Mô tả loại hình tài nguyên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và năng lượng sử dụng trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp: ……..

- Mô tả loại hình sản phẩm, dịch vụ chính của doanh nghiệp: ……

- Mô tả hiện trạng chất thải phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (bao gồm cả phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh; phát sinh từ sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp):

……
……

- Mô tả khác: ……..

4. Mô tả kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu và biện pháp tuần hoàn được áp dụng trong dự án của doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh

a) Lựa chọn đối tượng áp dụng tuần hoàn của dự án: (sản phẩm, dịch vụ hay quy trình sản xuất, kinh doanh): ……

b) Mục tiêu, chỉ tiêu đóng góp cho kinh tế tuần hoàn: ……...

c) Biện pháp chính được sử dụng để dự án đạt tiêu chí tuần hoàn:……

5. Mô tả loại hình dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn đã hoặc sẽ áp dụng của doanh nghiệp/hộ kinh doanh/ cá nhân kinh doanh:

Loại hình dự án *(tích vào các ô tương ứng, nếu có)*	**Biện pháp tuần hoàn áp dụng**	**Yêu cầu để dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn**	**Mô tả cụ thể**
☐ Thiết kế, sản xuất tuần hoàn			
☐ Sử dụng tuần hoàn			
☐ Phục hồi tài nguyên			
☐ Cộng sinh công nghiệp, liên kết tuần hoàn			

** Ghi chú:* Biện pháp tuần hoàn áp dụng theo thứ tự ưu tiên sau: a) Từ chối (R0) là việc hạn chế sử dụng các sản phẩm, nguyên liệu gây ô nhiễm, khó tái chế hoặc không cần thiết để kéo dài vòng đời; b) Tư duy lại (R1) là việc tối ưu hóa sử dụng thiết bị, sản phẩm; c) Giảm thiểu (R2) là việc tăng hiệu quả sản xuất, sử dụng hiệu quả tài nguyên, nguyên liệu, vật liệu; d) Tái sử dụng (R3) là việc tái sử dụng các sản phẩm với cùng mục đích bởi người tiêu dùng khác; đ) Tu sửa (R4) là việc sửa chữa hoặc bảo trì các sản phẩm bị lỗi để kéo dài thời gian sử dụng; e) Tân trang (R5) là việc khôi phục sản phẩm cũ và cập nhật sản phẩm đó đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn của sản phẩm; g) Tái sản xuất (R6) là việc sử dụng các thành phần, linh kiện, cấu kiện của các sản phẩm thải bỏ vào các chức năng tương tự; h) Thay đổi mục đích sử dụng (R7) là việc sử dụng các sản phẩm hoặc các linh kiện, cấu kiện của sản phẩm thải bỏ cho sản phẩm mới có chức năng khác; k) Tái chế chất thải (R8) là việc xử lý, chế biến chất thải để chuyển hóa thành nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu có ích; l) Thu hồi năng lượng thông qua thiêu đốt chất thải (R9).

6. Mô tả về nguyên liệu, nhiên liệu, đặc điểm sản phẩm, vật liệu và chất thải phát sinh; kết quả xử lý chất thải, các nguồn phát sinh chất thải của dự án

a) Loại nguyên liệu sử dụng:

b) Nhiên liệu, năng lượng sử dụng

c) Công nghệ sản xuất/xử lý chất thải được sử dụng:.....

d) Các nguồn thải phát sinh trong quá trình hoạt động:.....

đ) Loại sản phẩm

e) Loại chất thải phát sinh

g) Biện pháp kiểm soát các nguồn thải phát sinh trong quá trình hoạt động:.....

7. Tác động đến các tiêu chí mục tiêu bảo vệ môi trường của dự án nếu không áp dụng biện pháp tuần hoàn

Các tác động đến mục tiêu bảo vệ môi trường của dự án *(tích vào các ô tương ứng, nếu có)*	**Mô tả cụ thể**
☐ Sử dụng không hiệu quả tài nguyên (đất, nước, khoáng sản, rừng và các dạng tài nguyên khác)	
☐ Phát thải khí nhà kính lớn; hạn chế phát triển nguồn năng lượng tái tạo; sử dụng không hiệu quả nguồn năng lượng	
☐ Không phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương	
☐ Phát sinh nguy cơ ô nhiễm môi trường; suy thoái chất lượng môi trường; gây ra sự cố môi trường; gây thiệt hại cho các công trình bảo vệ môi trường	
☐ Suy giảm hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, nguồn vốn tự nhiên	
☐ Không đáp ứng các yêu cầu về quản lý chất thải; áp dụng kinh tế tuần hoàn	
☐ Phát sinh chất thải, nước thải chưa được xử lý ra môi trường	
☐ Rủi ro, ảnh hưởng khác về môi trường (nếu có)	

8. Loại chất thải, khối lượng chất thải và nguồn phát sinh

STT	Loại chất thải, khối lượng chất thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh	Diễn giải chi tiết
1	Nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: - Nước thải sinh hoạt; - Nước thải công nghiệp.	
2	Bụi, khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: - Nguồn phát sinh; - Lượng phát sinh; - Chất ô nhiễm/Nồng độ của các thông số ô nhiễm trong khí thải.	
3	Chất thải rắn phát sinh hoặc dự kiến phát sinh: - Chất thải rắn sinh hoạt; - Chất thải rắn công nghiệp; - Chất thải rắn nguy hại.	

9. Biện pháp kiểm soát, quản lý, xử lý các nguồn thải

STT	Phương án	Diễn giải chi tiết
1	Đối với nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh	
2	Đối với bụi, khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh	
3	Đối với chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại) phát sinh hoặc dự kiến phát sinh	

10. Các thông tin khác

- Đối với dự án đang hoạt động: nêu rõ hiện trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án.

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất: nêu rõ các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng hoặc điều chỉnh/thay đổi/bổ sung trong dự án mở rộng quy mô, nâng công suất; sự kết nối giữa các hạng mục công trình hiện hữu với công trình mới.

III. Việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh và dự án

1. Thủ tục môi trường của dự án đã thực hiện *(tích vào các ô tương ứng, nếu có)*

Loại thủ tục môi trường	Diễn giải chi tiết
☐ Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Ghi rõ số Quyết định, ngày, tháng, năm và cơ quan ban hành
☐ Giấy phép môi trường	Ghi rõ số Giấy phép, ngày, tháng, năm và cơ quan ban hành
☐ Đăng ký môi trường	Ghi rõ ngày, tháng, năm gửi cơ quan nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận Đăng ký môi trường

Loại thủ tục môi trường	Diễn giải chi tiết
☐ Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường	Ghi rõ số Giấy xác nhận, ngày, tháng, năm và cơ quan ban hành
☐ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	Ghi rõ số Giấy phép, ngày, tháng, năm và cơ quan ban hành
☐ Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	Ghi rõ số Giấy xác nhận, ngày, tháng, năm và cơ quan ban hành
☐ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại	Ghi rõ số Giấy phép, ngày, tháng, năm và cơ quan ban hành
☐ Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Ghi rõ mã số sổ
☐ Kế hoạch bảo vệ môi trường	
☐ Đề án bảo vệ môi trường chi tiết/đơn giản	
☐ Thủ tục môi trường khác mà Chủ dự án đã thực hiện (nếu có)	Ghi rõ loại văn bản, số, ngày cấp, nơi cấp

2. Hình thức, mức độ đã bị xử phạt và biện pháp khắc phục hành vi vi phạm hành chính về môi trường (nếu có)

.....
.....

3. Mô tả công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

STT	Loại hình công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Diễn giải chi tiết	Ghi chú
1	Công trình, biện pháp xử lý/quản lý nguồn thải	Mô tả và thuyết minh rõ sơ đồ quy trình xử lý và đính kèm các tài liệu kỹ thuật có liên quan	Đính kèm bản sao các tài liệu liên quan
2	Công tác quản lý chất thải	Mô tả chi tiết các hoạt động quản lý chất thải của dự án đã thực hiện hoặc dự kiến thực hiện	
3	Việc thực hiện giám sát môi trường theo quy định hiện hành		

IV. Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí tiêu chí tuần hoàn của dự án theo quy định

TT	**Yêu cầu để đáp ứng tiêu chí tuần hoàn** *(theo quy định tại Quyết định số ..../2026/QĐ-TTg ngày...tháng...năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*	**Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí theo quy định** *Đáp ứng/Không đáp ứng*	**Ghi chú**
1	....		
...	....		

Đánh giá tổng quát *(Chủ dự án đối chiếu tất cả các hoạt động của dự án với tiêu chí của dự án tuần hoàn quy định tại Quyết định số .../2026/QĐ-TTg ngày...tháng...năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ để tự đánh giá, xác định)*

V. Mô tả, phân tích các chỉ tiêu tuần hoàn chính dự án đã đạt hoặc kế hoạch, rủi ro thách thức có thể xảy ra trong các năm tiếp theo của dự án

1. Mô tả, phân tích các chỉ số tuần hoàn chính dự án đã đạt hoặc kế hoạch

TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng	Năm	Năm ...	Năm ...	Năm ...
1						
2						
	....					

* ***Ghi chú:*** mô tả các chỉ tiêu bắt buộc của dự án được nêu tại Cột 4 của Phụ lục II, khuyến khích mở rộng, bổ sung các chỉ tiêu khác phản ánh lợi ích, kết quả của dự án để đóng góp cho mục tiêu, tiêu chí chung về tuần hoàn

2. Mô tả những rủi ro, thách thức có thể xảy ra dẫn đến dự án không đạt hoặc không đáp ứng đầy đủ tiêu chí của dự án

Mô tả các rủi ro về công nghệ, kỹ thuật; thị trường; nhận lực; chính sách; ....

VI. Các tài liệu kỹ thuật khác đính kèm:

- Tài liệu 1:

- Tài liệu 2:

- .....

Ghi chú: Tài liệu kỹ thuật khác của dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn:

1. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

(trong trường hợp dự án thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) hoặc giấy phép môi trường (trong trường hợp dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường nhưng thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường) hoặc đăng ký môi trường (trong trường hợp dự án thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Văn bản, giấy chứng nhận, chứng chỉ có liên quan để chứng minh tính phù hợp của dự án đáp ứng tiêu chí của dự án xanh quy định tại Quyết định số .../2026/QĐ-TTg ngày...tháng...năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Bản cam kết về việc đáp ứng yêu cầu đối với sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, công nghệ, dịch vụ; cam kết thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật trong trường hợp dự án chưa đi vào vận hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có).

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kèm theo các quyết định, kết luận (nếu có).

VII. Cam kết của chủ dự án

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong tất cả hồ sơ gửi kèm theo báo cáo này. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam và cam đoan thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định của pháp luật khác có liên quan.

TÊN DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Phụ lục VI

KHUNG TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ

(Kèm theo Quyết định số 46/2026/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. TIÊU CHÍ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

TT	Tiêu chí
1	**Môi trường**
1.1	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)/ Giấy phép môi trường (GPMT) / Đăng ký môi trường (ĐKMT)
1.2	Quan trắc môi trường định kỳ, tự động liên tục (nước thải, khí thải)
1.3	Quản lý chất thải rắn (thông thường và nguy hại)
1.4	Quản lý nước thải
1.5	Quản lý khí thải
1.6	Kiểm kê khí nhà kính và mục tiêu, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
1.7	Hệ thống quản lý môi trường phù hợp ISO 14001 hoặc tương đương
1.8	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
1.9	Bảo vệ đa dạng sinh học, hệ sinh thái và phục hồi môi trường
1.10	Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường
1.11	Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)
1.12	Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế / thu hồi từ sản phẩm
1.13	Bố trí bộ phận chuyên môn, nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định
1.14	Duy trì tiêu chí đối với dự án xanh, dự án tuần hoàn
2	**Xã hội**
2.1	Hợp đồng lao động với người lao động
2.2	Tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho người lao động
2.3	Đào tạo, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ)
2.4	Thống kê, báo cáo tai nạn lao động (TNLĐ) và sự cố ATVSLĐ
2.5	Có cơ chế đối thoại, khiếu nại nội bộ
2.6	Không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức
2.7	Lương tối thiểu vùng và bình đẳng giới về tiền lương

TT	Tiêu chí
2.8	Báo cáo tình hình sử dụng lao động định kỳ
2.9	Minh bạch thông tin sản phẩm
2.10	An toàn sản phẩm và dịch vụ
2.11	Phòng cháy chữa cháy (PCCC) và cứu nạn cứu hộ
2.12	Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh (nếu có)
3	**Quản trị**
3.1	Quy chế quản trị công ty
3.2	Bộ quy tắc đạo đức / quy tắc ứng xử trong kinh doanh
3.3	Chính sách phòng chống tham nhũng, hối lộ
3.4	Hệ thống kiểm soát nội bộ
3.5	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
3.6	Bảo mật, bảo vệ dữ liệu cá nhân
3.7	Có cơ chế nhận diện, kê khai và xử lý xung đột lợi ích
3.8	Tuân thủ pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh
3.9	Cơ chế tố cáo và bảo vệ người tố cáo
3.10	Tuân thủ nghĩa vụ thuế và công khai thông tin thuế

II. TIÊU CHÍ TỰ NGUYỆN TUÂN THỦ

TT	Tiêu chí
1	**Môi trường**
1.1	Thực hiện đánh giá định kỳ rủi ro môi trường và rủi ro khí hậu theo khung ISO 14001 và/hoặc các khuyến nghị của Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố Thông tin Tài chính Liên quan đến Khí hậu (Task Force on Climate-related Financial Disclosures - TCFD) và/hoặc các chuẩn mực công bố thông tin về tính bền vững của Hội đồng Chuẩn mực Bền vững Quốc tế (International Sustainability Standards Board – ISSB).
1.2	Có mục tiêu môi trường và khí hậu trung hạn và dài hạn, bao gồm các chỉ tiêu định lượng
1.3	Có cơ chế quản trị và trách nhiệm quản lý về bảo vệ môi trường trong tổ chức
1.4	Có phân bổ chi phí đầu tư và chi phí vận hành cho bảo vệ môi trường
1.5	Có báo cáo kiểm kê phát thải khí nhà kính trực tiếp được kiểm toán/thẩm định độc lập

TT	Tiêu chí
1.6	Có báo cáo kiểm kê phát thải khí nhà kính gián tiếp được kiểm toán/thẩm định độc lập
1.7	Có tính toán cường độ phát thải khí nhà kính theo đơn vị sản phẩm hoặc doanh thu
1.8	Có lộ trình hoặc kế hoạch chuyển đổi hướng tới phát thải ròng bằng 0
1.9	Có phân bổ chi phí hoặc đầu tư cho các biện pháp giảm phát thải
1.10	Có đo lường tổng mức tiêu thụ năng lượng
1.11	Có đo lường tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng lượng
1.12	Có tính toán cường độ năng lượng theo đơn vị sản phẩm hoặc doanh thu
1.13	Có phân bổ mức đầu tư cho công nghệ tiết kiệm năng lượng
1.14	Công khai số liệu về tổng lượng nước sử dụng (theo nguồn)
1.15	Công khai số liệu về tỷ lệ và tổng lượng nước tái sử dụng hoặc tái chế
1.16	Có đo lường rủi ro liên quan đến khan hiếm nước và các biện pháp quản lý
1.17	Có đo lường lượng nước thải và phương thức xử lý nước thải
1.18	Có đo lường lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm
1.19	Có đánh giá tác động và sự phụ thuộc của hoạt động kinh doanh đối với hệ sinh thái, đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên theo các khuyến nghị của Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố Thông tin Tài chính Liên quan đến Thiên nhiên (Taskforce on Nature-related Financial Disclosures)
1.20	Công bố thông tin theo các khuyến nghị của Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố Thông tin Tài chính Liên quan đến Khí hậu (Task Force on Climate-related Financial Disclosures- TCFD) và Chuẩn mực Công bố Thông tin về Khí hậu thuộc Bộ Chuẩn mực Công bố Thông tin về Phát triển Bền vững của Hội đồng Chuẩn mực Bền vững Quốc tế (IFRS S2 – Climate-related Disclosures), bao gồm các thông tin về chiến lược, quản trị, quản lý rủi ro, các chỉ số và mục tiêu liên quan đến khí hậu.
1.21	Có chính sách và mục tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn (giảm chất thải, kéo dài vòng đời sản phẩm, thiết kế sinh thái)
1.22	Có cam kết và lộ trình "không gây phá rừng" trong chuỗi cung ứng
2	**Xã hội**
2.1	Có cơ chế đánh giá ESG đối với nhà cung cấp
2.2	Có chính sách mua hàng bền vững
2.3	Có chính sách thẩm định nhân quyền trong chuỗi cung ứng
2.4	Các hoạt động đầu tư cộng đồng và phát triển cộng đồng, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

TT	Tiêu chí
2.5	Có các sáng kiến hỗ trợ cộng đồng địa phương
2.6	Có công bố số giờ đào tạo trung bình mỗi năm theo nhân viên và phân loại nhân viên; chính sách phát triển kỹ năng và học tập liên tục
2.7	Có chính sách đa dạng - công bằng - bao trùm và chỉ tiêu đa dạng cho các nhóm yếu thế (người khuyết tật, dân tộc thiểu số, ..)
2.8	Có cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, phản ánh đối với người lao động và các bên liên quan trong chuỗi giá trị, phù hợp với các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh doanh và Quyền con người (United Nations Guiding Principles on Business and Human Rights).
3	**Quản trị**
3.1	Có hệ thống phòng chống tham nhũng và hối lộ trong hoạt động kinh doanh (chính sách, đánh giá rủi ro, đào tạo, cơ chế tiếp nhận tố cáo và bảo vệ người tố cáo)
3.2	Ban hành và công khai cơ chế nhận diện, kê khai và xử lý xung đột lợi ích đối với thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban điều hành và người có liên quan; công khai các giao dịch trọng yếu giữa công ty với người có liên quan
3.3	Có công bố báo cáo phát triển bền vững/báo cáo ESG hằng năm, được kiểm toán/thẩm định độc lập
3.4	Có cơ chế gắn thù lao của Ban điều hành với các chỉ tiêu ESG
3.5	Có chính sách an ninh mạng và quản lý rủi ro công nghệ thông tin (theo ISO 27001)

Phụ lục VII
MẪU BÁO CÁO ÁP DỤNG KHUNG TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ
(Kèm theo Quyết định số 46/2026/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TÊN DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH/CÁ NHÂN KINH DOANH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*...(1)..., ngày ..... tháng ..... năm ...*

BÁO CÁO ÁP DỤNG KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ

Kính gửi: .....(2).....

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh:

2. Mã số doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh:

3. Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

4. Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

5. Loại hình: (DN siêu nhỏ/nhỏ/vừa/lớn/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh)

6. Địa chỉ trụ sở:

7. Số điện thoại:

8. Số fax:

9. Website:

10. Năm báo cáo:

11. Số lao động:

12. Doanh thu năm báo cáo (VND):

13. Người đại diện theo pháp luật/Chủ hộ kinh doanh:

14. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo (họ tên, chức vụ, liên hệ):

B. BÁO CÁO ÁP DỤNG KHUNG TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ

I. Các tiêu chí tuân thủ theo quy định pháp luật

1. Tiêu chí môi trường

1.1. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) / Giấy phép môi trường (GPMT) / Đăng ký môi trường (ĐKMT)

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh liệt kê đầy đủ các dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ của mình đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM hoặc cấp GPMT hoặc ĐKMT)

1.2. Quan trắc môi trường định kỳ, tự động liên tục (nước thải, khí thải)

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh có dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ của mình thuộc loại hình dự án phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, tự động liên tục theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường: báo cáo các thông tin về tần suất, thông số, kết quả quan trắc, truyền dữ liệu về cơ quan quản lý nhà nước về môi trường)

1.3. Quản lý chất thải rắn (thông thường và nguy hại)

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh có dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ của mình phát sinh chất thải rắn, bao gồm chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt, thực hiện đăng ký, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển và chuyển giao xử lý theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường; báo cáo tổng khối lượng từng loại chất thải phát sinh trong kỳ, phương pháp tính toán và nguồn dữ liệu; tỷ lệ chất thải được tái chế, tái sử dụng, xử lý theo từng phương thức (tái chế, tái sử dụng, chôn lấp, đốt); danh sách mã chất thải nguy hại, đơn vị tiếp nhận, xử lý có chức năng được cấp phép và số chứng từ chất thải nguy hại; tình hình bố trí điểm tập kết, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở)

1.4. Quản lý nước thải

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh có dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ của mình phát sinh nước thải thuộc đối tượng phải thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi xả ra môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường báo cáo công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải; tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong kỳ; nguồn tiếp nhận và phương thức xả thải; thông số, kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý so với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải; tình hình lắp đặt, vận hành và truyền dữ liệu của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với cơ sở thuộc diện phải lắp đặt theo quy định)

1.5. Quản lý khí thải

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh có dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ của mình phát sinh khí thải thuộc đối tượng phải thu gom, xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi xả ra môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường báo cáo công suất, công nghệ của hệ thống xử lý khí thải; tổng lưu lượng khí thải phát sinh trong kỳ; thông số, kết quả quan trắc khí thải so với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải; tình hình lắp đặt, vận hành và truyền dữ liệu của hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục đối với cơ sở thuộc diện phải lắp đặt theo quy định; biện pháp giảm thiểu, kiểm soát ô nhiễm không khí từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ)

1.6. Kiểm kê khí nhà kính và mục tiêu, kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh có cơ sở thuộc danh mục cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính theo quy định của pháp luật về biến đổi khí hậu thực hiện kiểm kê phát thải khí nhà kính theo định kỳ; xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo hạn ngạch phát thải được phân bổ; báo cáo tổng lượng phát thải tCO2tđ/năm; tỷ lệ % giảm phát thải so với năm gốc; biện pháp giảm phát thải đã triển khai; ngày nộp Báo cáo kiểm kê và Kế hoạch giảm nhẹ phát thải tới cơ quan có thẩm quyền)

1.7. Hệ thống quản lý môi trường phù hợp ISO 14001 hoặc tương đương

(Doanh nghiệp có dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường xây dựng, vận hành hệ thống quản lý môi trường phù hợp tiêu chuẩn ISO 14001 hoặc tương đương; báo cáo và đính kèm bản sao Giấy chứng nhận ISO 14001 (hoặc tương đương) còn hiệu lực, tổ chức cấp chứng nhận, ngày hiệu lực và ngày hết hạn)

1.8. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh là cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm theo quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả xây dựng và thực hiện kế hoạch hằng năm và 5 năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; áp dụng các sáng kiến tiết kiệm năng lượng (sản phẩm, dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc năng lượng tái tạo); báo cáo tổng mức tiêu thụ năng lượng, lượng năng lượng tiết kiệm được (kWh/TOE/năm), số sáng kiến áp dụng và kết quả định lượng từng sáng kiến (kWh, TOE, VND)

1.9. Bảo vệ đa dạng sinh học, hệ sinh thái và phục hồi môi trường

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh có dự án đầu tư, cơ sở khai thác khoáng sản hoặc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên có yếu tố nhạy cảm về môi trường công khai thông tin về các hoạt động có thể tác động đến đa dạng sinh học và hệ sinh thái; thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động và phục hồi hệ sinh thái sau khai thác theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, khoáng sản; báo cáo phạm vi tác động, biện pháp giảm thiểu, kế hoạch phục hồi môi trường, chi phí ký quỹ phục hồi môi trường (VND), diện tích phục hồi đã thực hiện trong kỳ; tham chiếu nội dung tương ứng trong Báo cáo ĐTM/Giấy phép môi trường có liên quan)

1.10. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh có cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường xây dựng, ban hành kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức diễn tập, kiểm tra định kỳ; báo cáo tình trạng phê duyệt kế hoạch, cấp phê duyệt, số sự cố môi trường xảy ra trong kỳ và biện pháp khắc phục)

1.11. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh kê khai nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng. Tính toán tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng)

1.12. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế / thu hồi từ sản phẩm

(Doanh nghiệp/ hộ kinh doanh/ cá nhân kinh doanh thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) - tỷ lệ tái chế bắt buộc theo lộ trình)

1.13. Bố trí bộ phận chuyên môn, nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh báo cáo về việc bố trí bộ phận chuyên môn, nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường theo quy định)

1.14. Duy trì tiêu chí đối với dự án xanh, dự án tuần hoàn

Doanh nghiệp/ hộ kinh doanh/ cá nhân kinh doanh thực hiện báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí (mỗi loại hình dự án cần mô tả đầy đủ các thông tin về tên dự án; thông tin về văn bản xác định dự án đáp ứng tiêu chí dự án xanh hoặc dự án tuần hoàn; kết quả thực hiện các tiêu chí đối với dự án xanh, dự án tuần hoàn; mức độ đạt được các yêu cầu cụ thể ứng với mỗi yêu cầu; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân (nếu có); …).

2. Các tiêu chí xã hội

2.1. Hợp đồng lao động với người lao động

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh báo cáo số người lao động có hợp đồng lao động trên tổng số người lao động và phân theo loại hợp đồng (không xác định thời hạn, xác định thời hạn))

2.2. Tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) đầy đủ cho người lao động

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh đóng đầy đủ BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN cho người lao động theo quy định; báo cáo tỷ lệ người lao động tham gia BHXH/BHYT/BHTN (%) và tổng số tiền đã đóng BHXH/BHYT/BHTN trong kỳ (VND/năm))

2.3. Đào tạo, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ)

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh tổ chức đào tạo, huấn luyện ATVSLĐ cho 06 nhóm đối tượng theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động; báo cáo số lượng người lao động được huấn luyện theo từng nhóm, tần suất huấn luyện, tổ chức cung cấp huấn luyện và chi phí huấn luyện trong kỳ)

2.4. Thống kê, báo cáo tai nạn lao động (TNLĐ) và sự cố ATVSLĐ

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh thực hiện khai báo, điều tra, lập biên bản TNLĐ và báo cáo công tác ATVSLĐ định kỳ hằng năm; báo cáo số vụ TNLĐ trong kỳ, tỷ suất TNLĐ trên 1.000 lao động, số ngày nghỉ do TNLĐ, số trường hợp tử vong (nếu có) và biện pháp khắc phục)

2.5. Cơ chế đối thoại, khiếu nại nội bộ

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc và ban hành quy định nội bộ về tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, khiếu nại của người lao động; báo cáo số cuộc đối thoại trong kỳ, số khiếu nại tiếp nhận, tỷ lệ giải quyết đúng hạn (%) và thời gian xử lý trung bình)

2.6. Không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh thiết lập cơ chế giám sát nội bộ về tuyển dụng và sử dụng lao động, bảo đảm nghiêm cấm sử dụng lao động dưới 13 tuổi, lao động từ 13 đến dưới 15 tuổi chỉ làm các công việc nhẹ trong Danh mục do cơ quan có thẩm quyền ban hành, cấm sử dụng lao động dưới 18 tuổi cho công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại và không cưỡng bức lao động dưới mọi hình thức; báo cáo cơ chế giám sát, số trường hợp vi phạm phát hiện và biện pháp xử lý)

2.7. Lương tối thiểu vùng và bình đẳng giới về tiền lương

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh là người sử dụng lao động trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo từng vùng và bảo đảm trả lương bình đẳng, không phân biệt giới tính đối với người lao động làm công việc có giá trị như nhau; báo cáo mức lương tối thiểu thực tế áp dụng tại đơn vị (VND/tháng), tỷ lệ % người lao động có lương cao hơn mức tối thiểu vùng và tỷ lệ lương nữ/nam (%) ở các cấp)

2.8. Báo cáo tình hình sử dụng lao động định kỳ

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh lập, cập nhật, quản lý sổ quản lý lao động (gồm thông tin giới tính, ngày sinh, vị trí, loại HĐLĐ) và báo cáo tình hình sử dụng lao động 06 tháng và hằng năm gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định; báo cáo có/không sổ quản lý lao động, ngày báo cáo gần nhất và cơ quan tiếp nhận)

2.9. Minh bạch thông tin sản phẩm

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin sản phẩm và ghi nhãn hàng hóa đúng quy định của pháp luật; báo cáo tỷ lệ sản phẩm có nhãn thông tin đầy đủ, số kênh công bố thông tin sản phẩm và số khiếu nại về thông tin sai lệch trong kỳ)

2.10. An toàn sản phẩm và dịch vụ

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm và dịch vụ theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chất lượng sản phẩm hàng hóa, an toàn thực phẩm và pháp luật chuyên ngành; báo cáo có/không quy trình kiểm soát chất lượng, số vụ thu hồi sản phẩm trong kỳ, số khiếu nại của người tiêu dùng về an toàn sản phẩm và tỷ lệ sản phẩm đạt chuẩn an toàn)

2.11. Phòng cháy chữa cháy (PCCC) và cứu nạn cứu hộ

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh có cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC lập, ban hành hồ sơ, phương án PCCC, bố trí lực lượng PCCC cơ sở và thực hiện nghiệm thu PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC và cứu nạn, cứu hộ; báo cáo số/ngày văn bản nghiệm thu PCCC, số lần diễn tập trong kỳ và số sự cố cháy nổ xảy ra trong kỳ)

2.12. Báo cáo hoạt động thị trường vốn xanh (nếu có)

(Doanh nghiệp là tổ chức phát hành trái phiếu xanh hoặc vay tín dụng xanh công bố báo cáo sử dụng vốn theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, chứng khoán và tín dụng; báo cáo giá trị huy động (VND), kỳ hạn, cơ cấu sử dụng vốn theo từng dự án xanh và đính kèm báo cáo độc lập đánh giá tác động (nếu có))

3. Các tiêu chí quản trị

3.1. Quy chế quản trị công ty

(Doanh nghiệp là công ty đại chúng xây dựng, ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán; báo cáo có/không Quy chế nội bộ về quản trị, ngày ban hành, số lần sửa đổi và nơi công bố (website, báo cáo thường niên))

3.2. Bộ quy tắc đạo đức / quy tắc ứng xử trong kinh doanh

(Doanh nghiệp là công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội huy động đóng góp ban hành bộ quy tắc đạo đức/quy tắc ứng xử trong kinh doanh phục vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng; báo cáo có/không bộ quy tắc, ngày ban hành, phạm vi áp dụng và số người lao động được đào tạo về quy tắc đạo đức trong kỳ)

3.3. Chính sách phòng, chống tham nhũng, hối lộ

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh tuân thủ pháp luật về phòng, chống tham nhũng và ban hành quy chế nội bộ, chương trình đào tạo về phòng, chống tham nhũng; báo cáo số vụ vi phạm bị xử lý, chương trình đào tạo PCTN đã thực hiện, quy chế nội bộ, số vụ tố cáo tiếp nhận và tỷ lệ xử lý trong kỳ)

3.4. Hệ thống kiểm soát nội bộ

(Doanh nghiệp là công ty đại chúng thiết lập Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán; báo cáo có/không Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, số thành viên, số cuộc họp/năm và báo cáo kiểm toán nội bộ hằng năm)

3.5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

(Doanh nghiệp là công ty đại chúng, công ty niêm yết bố trí cơ cấu Hội đồng quản trị bảo đảm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên là thành viên không điều hành và có thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định; báo cáo tỷ lệ % thành viên Hội đồng quản trị độc lập trên tổng số thành viên, số thành viên độc lập và tên các thành viên độc lập)

3.6. Bảo mật, bảo vệ dữ liệu cá nhân

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh ban hành chính sách bảo mật và đăng ký xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm theo quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật liên quan, đồng thời thông báo vi phạm dữ liệu trong vòng 72 giờ kể từ thời điểm phát hiện; báo cáo có/không chính sách bảo mật, ngày đăng ký xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm, số sự cố dữ liệu trong kỳ và thời gian thông báo vi phạm)

3.7. Cơ chế nhận diện, kê khai và xử lý xung đột lợi ích

(Doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty TNHH thực hiện theo Luật Doanh nghiệp; công ty đại chúng, công ty niêm yết công bố và áp dụng đầy đủ cơ chế nhận diện, kê khai, xử lý xung đột lợi ích đối với thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban điều hành và người có liên quan, công khai các giao dịch trọng yếu giữa công ty với người có liên quan theo quy định; báo cáo có/không quy chế, số trường hợp khai báo xung đột lợi ích, số giao dịch trọng yếu được công bố và biện pháp xử lý)

3.8. Tuân thủ pháp luật trong sản xuất kinh doanh

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh tuân thủ pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm tuân thủ thuế và pháp luật chuyên ngành; doanh nghiệp là công ty đại chúng công bố trong báo cáo thường niên các vi phạm hành chính, hình sự liên quan đến hoạt động kinh doanh (nếu có) theo quy định; báo cáo số vụ vi phạm bị xử lý hành chính/hình sự (nếu có), biện pháp khắc phục và tình hình tuân thủ thuế (đã/chưa quyết toán))

3.9. Cơ chế tố cáo và bảo vệ người tố cáo

(Doanh nghiệp là công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội huy động đóng góp tự nguyện thiết lập cơ chế nội bộ tiếp nhận, xử lý phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng và bảo vệ người tố cáo theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và tố cáo; báo cáo có/không kênh tố cáo (hotline/email/web), số vụ tố cáo tiếp nhận trong kỳ, tỷ lệ xử lý đúng hạn và chính sách bảo vệ người tố cáo)

3.10. Tuân thủ nghĩa vụ thuế và công khai thông tin thuế

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh là người nộp thuế thực hiện kê khai, nộp thuế đúng hạn, công khai thông tin tài chính và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; doanh nghiệp có giao dịch liên kết kê khai báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR) nếu thuộc đối tượng; báo cáo tổng số thuế đã nộp (VND/năm) phân theo loại thuế, tình hình quyết toán thuế và số nợ thuế trong kỳ (nếu có))

II. Các tiêu chí tự nguyện tuân thủ

1. Tiêu chí môi trường

1.1. Đánh giá định kỳ rủi ro môi trường và rủi ro khí hậu

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh thực hiện đánh giá định kỳ rủi ro môi trường và rủi ro khí hậu theo khung ISO 14001 và/hoặc theo TCFD/ISSB; báo cáo tần suất đánh giá (lần/năm), số rủi ro nhận diện và số biện pháp giảm thiểu)

1.2. Mục tiêu môi trường và khí hậu trung hạn, dài hạn

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh xây dựng và công bố mục tiêu môi trường và khí hậu trung hạn và dài hạn với các chỉ tiêu định lượng; báo cáo mục tiêu định lượng và năm mốc (% giảm phát thải, % năng lượng tái tạo, m^3 nước/đơn vị sản phẩm…) cùng tiến độ thực hiện trong kỳ)

1.3. Cơ chế quản trị và trách nhiệm quản lý về bảo vệ môi trường

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh thiết lập cơ chế quản trị và phân công trách nhiệm quản lý về bảo vệ môi trường trong tổ chức; báo cáo quy chế/quyết định phân công, tên bộ phận/cá nhân chịu trách nhiệm cao nhất về bảo vệ môi trường)

1.4. Phân bổ chi phí đầu tư và chi phí vận hành cho bảo vệ môi trường

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh phân bổ chi phí đầu tư và chi phí vận hành cho hoạt động bảo vệ môi trường; báo cáo số liệu (VND) trong kỳ - phân theo chi phí đầu tư và chi phí vận hành)

1.5. Báo cáo kiểm kê phát thải khí nhà kính trực tiếp được kiểm toán/thẩm định độc lập

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh thực hiện kiểm kê phát thải khí nhà kính trực tiếp (Phạm vi 1) và mời tổ chức độc lập kiểm toán/thẩm định kết quả; báo cáo tổng lượng phát thải (tCO2tđ), tổ chức thẩm định và kỳ kiểm toán)

1.6. Báo cáo kiểm kê phát thải khí nhà kính gián tiếp được kiểm toán/thẩm định độc lập

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh thực hiện kiểm kê phát thải khí nhà kính gián tiếp (Phạm vi 2 và Phạm vi 3) và mời tổ chức độc lập kiểm toán/thẩm định kết quả; báo cáo tổng lượng phát thải (tCO2tđ), tổ chức thẩm định và kỳ kiểm toán)

1.7. Cường độ phát thải khí nhà kính theo đơn vị sản phẩm hoặc doanh thu

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh tính toán và công bố cường độ phát thải khí nhà kính; báo cáo cường độ phát thải tCO2tđ/đơn vị sản phẩm hoặc tCO2tđ/tỷ đồng doanh thu trong kỳ)

1.8. Lộ trình hoặc kế hoạch chuyển đổi hướng tới phát thải ròng bằng 0

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh xây dựng và công bố lộ trình hoặc kế hoạch chuyển đổi hướng tới phát thải ròng bằng 0; báo cáo năm cam kết phát thải ròng bằng 0 và biện pháp chính theo từng giai đoạn 5 năm)

1.9. Phân bổ chi phí, đầu tư cho các biện pháp giảm phát thải

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh phân bổ chi phí hoặc đầu tư cho các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính; báo cáo số liệu (VND) - phân theo CapEx và OpEx)

1.10. Đo lường tổng mức tiêu thụ năng lượng

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh đo lường và công bố tổng mức tiêu thụ năng lượng; báo cáo TOE/kWh/MJ phân theo loại nhiên liệu trong kỳ)

1.11. Tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng lượng

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh đo lường và công bố tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo; báo cáo tỷ lệ % (theo TOE hoặc kWh) năng lượng tái tạo trên tổng tiêu thụ năng lượng)

1.12. Cường độ năng lượng theo đơn vị sản phẩm hoặc doanh thu

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh tính toán và công bố cường độ năng lượng; báo cáo TOE/đơn vị sản phẩm hoặc TOE/tỷ đồng doanh thu trong kỳ)

1.13. Phân bổ mức đầu tư cho công nghệ tiết kiệm năng lượng

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh phân bổ mức đầu tư cho công nghệ tiết kiệm năng lượng; báo cáo số liệu (VND) trong kỳ)

1.14. Tổng lượng nước sử dụng theo nguồn

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh đo lường và công khai số liệu về tổng lượng nước sử dụng; báo cáo m^3/năm phân theo nguồn (nước cấp, nước mặt, nước ngầm, nước mưa, nước tái sử dụng))

1.15. Tỷ lệ và tổng lượng nước tái sử dụng hoặc tái chế

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh đo lường và công khai khối lượng và tỷ lệ nước tái sử dụng hoặc tái chế; báo cáo m^3 và tỷ lệ % so với tổng lượng nước sử dụng)

1.16. Đo lường rủi ro liên quan đến khan hiếm nước và biện pháp quản lý

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh thực hiện đánh giá rủi ro khan hiếm nước và xây dựng biện pháp quản lý; báo cáo mô tả ngắn về mức độ rủi ro và các biện pháp quản lý áp dụng)

1.17. Đo lường lượng nước thải và phương thức xử lý

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh đo lường và công bố lượng nước thải phát sinh và phương thức xử lý; báo cáo m^3/năm, công nghệ xử lý và kết quả phân tích đầu ra)

1.18. Đo lường lượng nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất và đóng gói

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh đo lường lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong kỳ; báo cáo khối lượng (tấn/kg/m^3) phân theo loại nguyên liệu)

1.19. Đánh giá tác động và phụ thuộc đối với hệ sinh thái, đa dạng sinh học (TNFD/LEAP)

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh thực hiện đánh giá tác động và sự phụ thuộc của hoạt động kinh doanh đối với hệ sinh thái, đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên theo khung TNFD/LEAP; báo cáo mô tả nội dung đánh giá và tham chiếu khung áp dụng)

1.20. Công bố thông tin theo khung TCFD/IFRS S2

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh công bố thông tin liên quan đến khí hậu theo khung TCFD/IFRS S2 (chiến lược, quản trị, quản lý rủi ro, chỉ số và mục tiêu); báo cáo mức độ công bố theo 4 trụ cột (Quản trị, Chiến lược, Quản lý rủi ro, Chỉ số và Mục tiêu) và kỳ báo cáo)

1.21. Chính sách và mục tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh ban hành chính sách và đặt mục tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn (giảm chất thải, kéo dài vòng đời sản phẩm, thiết kế sinh thái); báo cáo tỷ lệ vật liệu tái chế đầu vào, tỷ lệ chất thải chuyển hướng khỏi chôn lấp, vòng đời sản phẩm và nội dung thiết kế sinh thái)

1.22. Cam kết và lộ trình "không gây phá rừng" trong chuỗi cung ứng

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh ban hành cam kết và lộ trình "không gây phá rừng" trong chuỗi cung ứng; báo cáo có/không cam kết, phạm vi nguyên liệu, tỷ lệ truy xuất nguồn gốc và chứng chỉ FSC/PEFC/RSPO)

2. Các tiêu chí xã hội

2.1. Cơ chế đánh giá ESG đối với nhà cung cấp

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh xây dựng và áp dụng cơ chế đánh giá ESG đối với nhà cung cấp; báo cáo nội dung cơ chế đánh giá và số nhà cung cấp đã được đánh giá ESG trong kỳ)

2.2. Chính sách mua hàng bền vững

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh ban hành và áp dụng chính sách mua hàng bền vững; báo cáo có/không chính sách thành văn và tỷ lệ % giá trị mua hàng đáp ứng tiêu chí bền vững)

2.3. Chính sách thẩm định nhân quyền trong chuỗi cung ứng

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh ban hành và áp dụng chính sách thẩm định nhân quyền trong chuỗi cung ứng; báo cáo nội dung chính sách và phạm vi áp dụng)

2.4. Đầu tư cộng đồng và phát triển cộng đồng

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh thực hiện các hoạt động đầu tư, hỗ trợ tài chính và phát triển cộng đồng; báo cáo tổng đầu tư cộng đồng (VND/năm), số dự án và số người hưởng lợi)

2.5. Sáng kiến hỗ trợ cộng đồng địa phương

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh triển khai các sáng kiến hỗ trợ cộng đồng địa phương; báo cáo nội dung từng sáng kiến và kết quả/tác động đối với cộng đồng)

2.6. Đào tạo, phát triển kỹ năng người lao động

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh ban hành và thực hiện chính sách phát triển kỹ năng và học tập liên tục cho người lao động; báo cáo số giờ đào tạo trung bình/lao động/năm phân theo cấp bậc và giới tính, chi phí đào tạo trên đầu lao động)

2.7. Đa dạng - công bằng - bao trùm và hỗ trợ nhóm yếu thế

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh ban hành chính sách đa dạng - công bằng - bao trùm và đặt chỉ tiêu đa dạng cho các nhóm yếu thế (người khuyết tật, dân tộc thiểu số…); báo cáo tỷ lệ người lao động thuộc các nhóm yếu thế)

2.8. Cơ chế khiếu nại theo nguyên tắc UNGP

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh xây dựng cơ chế khiếu nại cho người lao động và bên liên quan trong chuỗi giá trị theo nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về kinh doanh và quyền con người (UNGP); báo cáo có/không cơ chế, số khiếu nại tiếp nhận, tỷ lệ giải quyết và thời gian xử lý trung bình)

3. Các tiêu chí quản trị

3.1. Hệ thống phòng, chống tham nhũng và hối lộ

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh xây dựng hệ thống phòng, chống tham nhũng và hối lộ trong hoạt động kinh doanh, bao gồm chính sách, đánh giá rủi ro, đào tạo, cơ chế tiếp nhận tố cáo và bảo vệ người tố cáo; báo cáo số vụ vi phạm bị xử lý, chương trình đào tạo PCTN, quy chế nội bộ, số vụ tố cáo tiếp nhận và tỷ lệ xử lý)

3.2. Cơ chế xử lý xung đột lợi ích và công khai giao dịch trọng yếu

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh ban hành và công khai cơ chế nhận diện, kê khai, xử lý xung đột lợi ích đối với thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban điều hành và người có liên quan, đồng thời công khai các giao dịch trọng yếu giữa công ty với người có liên quan; báo cáo quy chế nội bộ, số trường hợp khai báo xung đột lợi ích và biện pháp xử lý)

3.3. Báo cáo phát triển bền vững hằng năm

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh công bố báo cáo phát triển bền vững hằng năm được kiểm toán/thẩm định độc lập)

3.4. Gắn thù lao của Ban điều hành với chỉ tiêu ESG

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh thiết lập cơ chế gắn thù lao của Ban điều hành với các chỉ tiêu ESG; báo cáo tỷ lệ % thù lao gắn ESG và chỉ tiêu áp dụng (KPI khí hậu, ATVSLĐ, đa dạng…))

3.5. Chính sách an ninh mạng và quản lý rủi ro công nghệ thông tin

(Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh ban hành và thực hiện chính sách an ninh mạng và quản lý rủi ro công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001 hoặc tương đương; báo cáo số/ngày Giấy chứng nhận ISO 27001 (nếu có), số sự cố an toàn thông tin trong kỳ và thời gian khắc phục trung bình)

III. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP / HỘ KINH DOANH / CÁ NHÂN KINH DOANH

…… (1) …… cam kết:

(i) Các thông tin, số liệu trong báo cáo này là trung thực, đầy đủ và phản ánh đúng các hoạt động liên quan đến môi trường, xã hội, quản trị của doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh trong kỳ báo cáo;

(ii) Các tài liệu chứng minh đã được lưu trữ và sẵn sàng cung cấp khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;

(iii) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin được công bố trong báo cáo này.

……, ngày ... tháng ... năm 20...

TÊN DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục VIII

MẪU VĂN BẢN THÔNG BÁO DỰ ÁN ĐƯỢC XÁC ĐỊNH DỰ ÁN XANH, DỰ ÁN ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ TUẦN HOÀN

(Kèm theo Quyết định số 46/2026/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

...(1)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*Địa danh, ngày... tháng... năm...*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố nơi thực hiện dự án

..... **(1)** ..... thông báo với Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố .... về dự án được xác định đáp ứng tiêu chí tuần hoàn theo quy định tại Quyết định số ..../2026/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị như sau:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ DỰ ÁN XANH/ DỰ ÁN ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ TUẦN HOÀN

1. Thông tin về chủ dự án

- Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh: (viết bằng tiếng Việt, chữ in hoa): .....

- Tên cơ quan/tổ chức viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

- Website (nếu có): .....

- Quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... được cấp bởi:..... ngày.....tháng ..... năm ....

2. Thông tin liên hệ:

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax (nếu có): .....

- Email: .....

3. Thông tin chung về dự án được xác định đáp ứng tiêu chí đối với dự án xanh; dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn

- Tên dự án: .....

- Địa điểm thực hiện: .....

- Loại hình dự án *(nêu rõ dự án mới hoặc dự án mở rộng):* .....

- Quy mô hoạt động của dự án:.....

- Tóm tắt công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thông tin cơ bản về sản phẩm của dự án: .....

4. Kết quả xác định dự án đáp ứng tiêu chí đối với dự án xanh/đáp ứng tiêu chí tuần hoàn

- Số hiệu, ngày tháng của văn bản xác định: ..... (2) ..... được cấp bởi: .....

- Nội dung xác định đã đáp ứng tiêu chí dự án xanh hoặc dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn *(theo quy định tại Điều 3 Quyết định số: .../2026/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị)*: .....

- Các yêu cầu để đáp ứng, duy trì các tiêu chí tuần hoàn của dự án: .....

- Yêu cầu khác (nếu có):.....

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ ĐỘC LẬP CẤP VĂN BẢN XÁC ĐỊNH DỰ ÁN XANH/DỰ ÁN ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ TUẦN HOÀN

1. Tên cơ quan/tổ chức cấp văn bản xác định

- Tên tổ chức viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

- Tên tổ chức viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

- Website (nếu có): .....

2. Thông tin liên hệ:

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....Fax (nếu có): .....

- Email: .....

3. Thông tin về tư cách pháp nhân:

Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ..... cấp bởi: ..... ngày.....tháng.....năm....

4. Loại hình tổ chức thực hiện việc đánh giá:

Tổ chức đánh giá	Loại hình
Tổ chức đánh giá độc lập thuộc loại hình kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp hoặc có chức năng đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật	
Tổ chức đánh giá độc lập thuộc loại hình kinh doanh dịch vụ kiểm toán	

Ghi chú: Đánh dấu (X) vào cột loại hình tương ứng.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu trong thông báo này. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam và cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan. ..... (1) ..... xin thông báo để Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổ chức đánh giá;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- ...
- Lưu VT.

(1)
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

**** Ghi chú:***
(1) Tên chủ doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh thực hiện dự án.
(2) Số hiệu của văn bản được tổ chức cấp giấy xác định cấp.

Phụ lục IX

MẪU VĂN BẢN THÔNG BÁO DỰ ÁN KHÔNG ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ ĐỐI VỚI DỰ ÁN XANH, DỰ ÁN TUẦN HOÀN HOẶC KHÔNG ÁP DỤNG ĐẦY ĐỦ KHUNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, QUẢN TRỊ

(Kèm theo Quyết định số 46/2026/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... (1) ....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

(Về việc không duy trì/không áp dụng/áp dụng không đầy đủ …….. (2) …….)

Kính gửi: ……. (3), (4) ……..

Mã số doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh: ……

Mã số thuế: …….

Được xác định là dự án xanh/dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn theo văn bản số …. do tổ chức ……. (4)…… cấp ngày … tháng …. Năm …., cho dự án: ……

Ngày …. tháng …. năm …. Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh đã gửi văn bản thông báo dự án được xác định là dự án xanh/dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và báo cáo áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị đến Ủy ban nhân dân tỉnh … (3) ….

Đến ngày …. tháng …. năm …., dự án không duy trì tiêu chí đối với dự án xanh hoặc dự án không đáp ứng tiêu chí tuần hoàn theo Văn bản xác định được cấp bởi Tổ chức …. (4) …. hoặc doanh nghiệp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ khung môi trường, xã hội, quản trị theo quy định tại Quyết định số …. /2026/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày … tháng … năm về việc hướng dẫn xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị.

Mô tả cụ thể loại tiêu chí, yêu cầu không duy trì hoặc không áp dụng hoặc áp dụng không đầy đủ của dự án: …….

……

Mô tả rõ lý do: ……

……

Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh xin gửi đến …. (3), (4) để thực hiện các quy định có liên quan theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp/hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của Thông báo này.

……, ngày … tháng … năm 20…

TÊN DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH/ CÁ NHÂN KINH DOANH

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Nơi nhận:
- Như trên (kính gửi);
- …
- Lưu …

**** Ghi chú:***

(1) Địa danh.

(2) Dự án xanh hoặc dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn hoặc áp dụng không đầy đủ khung môi trường, xã hội, quản trị.

(3) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự án hoạt động.

(4) Tổ chức đánh giá độc lập cấp văn bản xác định dự án xanh hoặc dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn cho doanh nghiệp.